TRI TÂN

TẠP CHÍ VĂN HOÁ

RA HÀNG TUẦN

Tòa báo và nhà in : 70, phố Bạch-Mai

Ty trị-sự : 195, phố Hàng Bông — Hanoi

TRONG SỐ NÀY :

* Thanh niên với thơ văn hùng-tráng — *Hoa-Bằng*
* Tra nghĩa chữ nho (XXIV) — *Ưng-Hòe Nguyễn-văn-Tố*
* Phương-pháp trị lao thủa xưa — *Bác sĩ Lê-văn-Ngôn*
* Tài - liệu để đính chính những bài văn cổ (LI) — *Ưng-Hòe Nguyễn-văn-Tố*
* Nam-đàn bát-châu (XI) — *Nguyễn-đôn-Phục*
* Phê bình « Ghen » — *Kiều-thanh-Quế*
* Cách đặt tiếng việt mới dùng làm chữ chuyên-môn (III) — *Nguyễn-trọng-Thuyết*
* Alaska (Thời đàm) — *Nhật-Nham*
* Những ông nghè triều Lê (XLV) — *Ưng-Hòe*
* Vần thơ tiếng ta (I) — *Đỗ-Thúc*
* Thơ — *Bà Mộng-Sơn — Cách-Chi*
* Bản sách dẫn về « Đại Nam liệt truyện » (XII) — *Thọ-Xuân*
* Đêm hội Long-trì (Tiểu-thuyết, III) — *Nguyễn-Huy-Tưởng*

Năm thứ hai — **Số 76**
Thứ năm, 17 Décembre 1942

0 $ 20

THANH NIÊN VỚI THƠ VĂN HÙNG TRÁNG

HOA-BẰNG

THANH-niên, cái tuổi đương sôi-nổi, hăng-hái, mạch máu đương bồng-bột những sinh-khí tươi-tắn cương-cường.

Thanh-niên, cái khí buổi sớm của mặt trời mới mọc, cái sinh-lực của toán quân đã bao lâu dưỡng uy súc nhuệ chỉ đợi tiếng kèn hiệu-lệnh là xông ra mặt trận-tiền.

Thanh-niên, nguồn hi-vọng của gia-đình, mầm tương-lai của tổ-quốc.

Nhưng, cái tuổi thanh-niên ấy nó lại là một cơn « biến-động » trong người ta. Tấm thân thổ-thổ ngồn-ngộn đương ở trong thời-kỳ có sự biến-đổi về thể-chất theo sinh-lý ấy cũng có nhiều nỗi xao-xuyến về tinh-thần.

Bấy giờ khác nào chiếc xe phân-vân ở chỗ ngã tư, con ngựa lộp-cộp xuống dốc, chiếc thuyền đương buồm mở lái ra khơi . . .

Bấy giờ là lúc cần phải quyết-định phương-hướng đi tới, vì cái cửa hay, dở, nên, hư do đó chia khác : Sai một ly, đi một dặm !

***

Mới đây, một bạn có cho tôi biết một chuyện đáng buồn cho tương-lai của một số thanh niên :

— Một « cặp tình-nhân » là đôi nam nữ học-sinh mới 13,14 tuổi. Chừa ráo máu đầu, họ đã trao đổi thư tình cho nhau bằng những lời văn rất ngô-nghê nhưng rất ủy-mỹ (theo đúng âm chữ nho thì phải đọc là *mỹ*, chứ đừng đọc là *mị* như phần đông đã đọc lầm).

Để dùng làm bằng-chứng, bạn tôi lại đưa cả cho xem mấy bức tình thư ấy do một sự tình-cờ đã lọt vào tay bạn.

Tại sao trong xã-hội ta nay có những hiện-tượng quái-gở như vậy ?

Phải chăng, ngoài những cớ vì hoàn-cảnh này khác, cũng tại phần đông người làm gia-trưởng không để ý kiểm-xoát sách truyện của con em đọc ?

Theo những sách về khoa giáo-dục nhi-đồng đã nói, thì đối với hạng nam nữ mới xấc lớn lên, những truyện-ký vĩ-nhân, những lịch-sử anh-hùng hảo-kiệt đều là món an tinh-thần rất cần-thiết cho họ.

Ngoài ra, loại thơ văn hùng-tráng cũng là những món giúp họ di-dưỡng tính-tình, hưng-khởi chí-ý.

***

Thế nào là thơ văn hùng-tráng?

Những áng văn, những vần thơ có tính cách làm cho người ta phấn phát tinh-thần, vui sống, hăng-hái làm việc ; cho rên-siết kêu nài là hèn nhát, cho than vắn thở dài là vô ích, cho ca-tụng cái sắc đẹp nữ tính là tầm-thường . . .

Thơ văn than già, tủi phận ? Chỉ là liều thuốc mê làm cho người ta tê-liệt chí phấn đấu, bước tiến thủ, lòng yêu đời !

Thơ văn than tiếc những mầu đời tình êm đềm mơ mộng ? Chỉ là khúc đường dốc xô người xuống hố trụy-lạc luân vong !

Trái lại thế, thơ văn hùng tráng phải là những tác phẩm vui vẻ, trong sạch và hùng kiện : Hăng hái như tiếng quân nhạc thúc giục sĩ tốt ra chiến trường ! Giòn giã như khúc khải ca của ông tướng thắng trận ! Tưng-bừng bồng-bột như mầm cây vút nảy dưới trời xuân. Thơ văn hùng tráng ấy quên lãng đằng sau những cái hoặc thất vọng vì tình, hoặc trán-ngán vì già-cả, hoặc ngại-ngùng vì rỗ gót bôn-ba . . . Lại gạt ra một bên những tư-tưởng bi-quan đối với nhân-sinh, những văn-chương tán dương cái thủ nhàn-tản, những bài gieo-rắc vào óc người ta cái ham-chuộng tầm-thường, cái say-sưa không xứng-đáng.

***

Trong thơ văn ta thật chẳng thiếu gì những loại có tính-cách hùng-tráng ấy.

Đức Trần Hưng-Đạo (1228-1300) đã để lại cho đời sau một thiên văn hùng là bài *Dụ chư tỳ-tướng hịch văn* bằng chữ hán. Nguyên hồi ấy, nước ta đứng trước một tình-thế nguy-ngập là Mông-cổ đương dòm giỏ, gươm-ghè, ai nấy cần phải tỉnh-thức và hăng hái để đối-phó với thời cục, nên ngài có soạn sách *Binh gia diệu lý yếu lược* để dạy các tỳ-tướng, lại làm bài hịch-văn ấy để khuyên bảo họ. Trong bài ấy có những câu hùng tráng như :

« .... *hoặc đấu kê dĩ vi lạc, hoặc đồ bác dĩ vi ngu, hoặc sự điền-viên dĩ dưỡng kỳ gia, hoặc luyến thê-tử dĩ tư ư kỷ : tu sinh-sản chi nghiệp nhi vong quân quốc chi vụ, tứ điền-liệp chi du nhi đại công thủ chi tập ; hoặc cam mỹ tửu, hoặc thị dâm thanh ! Thoát hữu Mông Thát (1) chi khấu lai, hùng kê chi cự bất túc dĩ xuyên lỗ giáp, đồ-bác chi thuật bất túc dĩ thi quân mưu, điền viên chi*

phú bất túc dĩ tục thiên kim chi khu, thê noa chi lụy bất túc dĩ sung quân quốc chi dụng, sinh-sản chi đa bất túc dĩ cấu lỗ thủ, liệp khuyển chi lực bất túc dĩ khu tắc chúng, mỹ tửu bất túc dĩ trậm lỗ quân, dâm thanh bất túc dĩ lung lỗ nhĩ. Đương thử chi thì, ngã gia thần chủ tựu phọc : thậm khả thống tai ! . . .»

(Toàn bài có in trong HOÀNG VIỆT VĂN TUYỂN quyển 7, tờ 1b — 4b; vân vân).

Ta nên để ý : trong đoạn văn trên, tác giả viết van nhất khí : một mạch ào ào như nước thác đổ, hơi mạnh cuồn cuộn như muôn nghìn đợt sóng từ ngoài khơi xô vào. Lý-luận rất đanh, tỏ ra sự-thực hiển-nhiên khiến người rất dễ nhận biết. Nay tôi xin dịch ra quốc-văn như sau :

« . . . hoặc chọi gà mua vui, hoặc đánh bạc lấy thích, hoặc chăm-chút vườn ruộng để nuôi nhà, hoặc quấn quít vợ con để riêng vui lấy mình, lo-tính làm giàu mà quên mất việc quân quốc, rong chơi săn bắn mà xao-nhãng lễ-lối đánh giữ, hoặc say rượu ngon, hoặc mê hát ngọt ! Lỡ có giặc Mông thát (1) kéo đến, thì cựa gà chọi không đủ để đá thủng áo giáp giặc, mánh-khóe cờ-bạc không đủ để làm mưu-mẹo việc binh, sự giàu có vườn ruộng không đủ để chuộc lấy tấm thân nghìn vàng, cái bận vợ con không đủ để dùng vào việc quốc-gia và quân-sự, sản nghiệp dẫu nhiều không đủ để mua đầu giặc, chó săn dẫu mạnh sức không đủ để xua đuổi quân giặc, rượu ngon không đủ để đầu độc giặc, tiếng hát hay không đủ để làm điếc tai giặc ! Lúc bấy giờ, thầy trò nhà ta đến phải trôi : đáng thương lắm thay ! . . .»

***

Cũng với giọng hùng-tráng, Nguyễn Trãi (1380 — 1442), sau 10 năm cùng vua Lê Lợi « nếm mật nằm gai », đánh đuổi được giặc Minh, khôi-phục được nước cũ, có làm bài *Bình Ngô đại cáo* giãi-bày công-cuộc đại định với quốc-dân. Tôi xin trích và dịch ít đoạn trong bài ấy để hiến những bạn ưa thích văn hùng :

Nguyên-văn chữ hán :

« . . . . . .

Bồ-đằng chi đình khu, điện xiết,
Trà-lân chi trúc phá, hôi phi.
Sĩ khí dĩ chi ích tăng,
Quân thanh dĩ chi đại chấn.
Trần Trí, Sơn - Thọ (2) văn phong nhi chĩ phách :
Lý An, Phương Chính (3) xuyễn tức dĩ thâu sinh.
Thừa thắng trường khu : Tây-kinh ký vi ngã hữu ;
Tuyền phong tiến thủ : Đông-đô tân phục cựu cương.
Ninh - kiều chi huyết thành xuyên : lưu tinh vạn lý.
Tốt-động chi thi mãn dã : di xú thiên niên.
Trần Hiệp, tặc chi tâm phúc, kỳ kiêu kỳ thủ ;
Lý Lượng, tặc chi gian đố, hựu bộc quyết thi (4).
Vương Thông lý loạn nhi phần giả ích phần :
Mã Anh cứu đấu nhi nộ giả ích nộ.
Bỉ trí cùng nhi lực tận, thúc thủ đãi vong ;
Ngã mưu phạt nhi tâm công, bất chiến tự khuất.
« . . . . . .
Kế nhi tứ diện thiêm binh dĩ bao vi,
Kỳ dĩ thập nguyệt trung tuần nhi điển diệt.
Viên tuyền tỳ hưu chi sĩ,
Thân mệnh trảo nha chi thần,
Tượng ẩm nhi hà thủy (5) can,
Ma đao nhi sơn thạch (6) khuyết.
Nhất cổ nhi kinh khoa, ngạc đoạn,
Thái cổ nhi ô (7) tán, khuân kinh.
Quyết hội nghĩ ư băng đề,
Chấn cương phong ư khô diệp.
Đô-đốc Thôi Tụ tất hành nhi tổng khoản,
Thượng-thư Hoàng Phúc diện phọc dĩ (8) tựu cầm.
Cương thi tắc (ư) Lạng giang, Lạng sơn chi đồ,
Chiến (9) huyết xích (ư) Xương giang, Bình-than chi thủy !
Phong vân vị chi biến sắc,
Nhật nguyệt thảm dĩ vô quang !
Kỳ Vân-nam binh : vi ngã quân sở ách ư Lê-hoa, tự đồng nghi khư hát nhi tiên dĩ phá phủ.
Kỳ Mộc Thạnh chúng : văn Thăng quân đại bại (10) ư Cần-trạm, toại lạn tạ bôn hội nhi cận đắc thoát thân.
Lãnh-câu chi huyết trở lưu, giang thủy vị chi ô-yết,
Đan-xá chi thi sơn tích, dã thảo vị chi ân hồng.
Lưỡng lộ cứu binh kỳ bất toàn chủng nhi câu bại,
Các thành cùng khấu diệc tương giải giáp dĩ xuất hàng.
Tặc thủ thành cầm, bỉ kỳ trạo ngạ hồ (hoặc tàn tốt) khất liên chi vĩ ;
Thần võ bất sát, dư diệc thể Thượng-đế hiếu sinh chi tâm...» (hoặc nhân).

(Toàn bài có in ở Hoàng Việt văn tuyển quyển V, tờ 3a — 6b ; vân vân)

Bài này tác-giả Nguyễn Trãi viết từ năm mậu-thân (1428), theo thể

văn biền ngẫu tức là lối văn đối nhau từng câu hoặc từng vế. Lời văn vừa mạnh-mẽ vừa văn hoa, tứ văn đã dồi-dào lại đẹp-đẽ. Nét bút thành-thực có thể gợi người cảm-động như khi đọc bài *Xuất sư biểu* của Khổng Minh. Nay tôi thử dịch ra việt-van để các bạn thưởng thức :

. . . . . .

Núi Bồ-đằng sấm vang chớp nhoáng,
Đất Trà-lân tre chẻ, tro bay,
Khí quân càng thêm hăng,
Thế trận ngay một mạnh :
Lũ Trần-Trí, Sơn Thọ kia mới nghe hơi đã mất vía ;
Bọn Lý An, Phương Chính nọ phải nín thở để thoát thân.
Nhân được ruổi dài : Tây-kinh đã phục đất cũ (1425) ;
Lựa quân xông thẳng : Đông-đô lại lọt tay ta (1426).
Máu Ninh-kiều dọng thành sông, tanh tràn muôn dặm.
Thây Tốt-động chất đầy nội, nhơ đọng ngàn năm.
Trần Hiệp, tướng tàm phúc bên Ngô, đã bị bêu sỏ,
Lý Lương, con mọt già của giặc, lại phải phơi thây.
Vương Thông gỡ loạn : lửa đương cháy, thổi bùng to.
Mã Anh đánh hôi : giận chưa nguôi, chọc thêm tức.
Bó tay đợi chết, họ kiệt sức và cùng đường ;
Không đánh khắc tan, ta chiếm lòng là cao mẹo.

. . . . . .

Kế đó thêm quân bốn mặt để bồ vây,
Hẹn đến trung tuần tháng mười phải quét sạch.
Lựa quân hùm gấu,
Sai tướng vuốt nanh,
Gươm mài : đá núi mòn,
Voi uống : nước sông cạn,
Một trận : kia, cá voi bị phanh, cá sấu bị mổ !
Hai trận : này, bầy quạ phải vỡ, bầy nai phải tan !
Khua tổ kiến đục toang đê núng,
Rung gió to thổi trút lá khô.
Hoàng Phúc, thượng-thư, giơ tay chịu trói.
Thôi-Tụ, đô-đốc, quì gối xin hàng.
Thây chết : Lạng giang, Lạng sơn nghẽn đường ;
Máu đỏ : Xương-giang, Bình-than đỏ nước.
Gió mây buồn : vẻ hiu quạnh !
Nhật nguyệt thảm : bóng tờ-mờ !
Binh Vân-nam bị quân ta chẹn ở Lê-hoa, liền bối-rối, cuống-cuồng sợ vỡ mật.
Bọn Mộc-Thạnh nghe Liễu-Thăng thua ở Cần-trạm, vội tan hoang nháo nhác chạy gỡ mình.
Chầy trôi vì máu Lãnh câu, nước sông rẽo tiếng não-nhột.
Núi chất bằng thây Đan-xá, cỏ nội nhuộm sắc đỏ thâm.
Quân cứu hai đương đã nối gót sụp đổ,
Tướng Ngô các xó đều cởi giáp ra hàng.
Tướng giặc bị cầm, cung-cúc thảy cúp đuôi hổ đói.
Lòng Trời ưa sống, xót-thương ta tỏ dạ người nhân...

***

Sau khi đọc xong mấy đoạn văn hán của hai trang vĩ-nhân nước ta ấy, chắc các bạn sẽ nói : nguyên-văn hùng thì hùng thật, song phần đông thanh niên bây giờ phải thưởng-thức nó qua bản van dịch, như thế khó bề nhận-xét phẩm giá nó một cách trực tiếp.

Nếu vậy, tôi xin mời các bạn ngâm đọc những câu van nôm hùng tráng này :

«...Sắc sai Hưng-Đạo tổng-binh
Với Trần Quang-Khải các dinh tiến vào...
Chương-dương một trận phong đao ;
Kìa ai cướp giáo ra vào có công !
Hàm-quan một trận ruổi-giong.
Kìa ai bắt giặc oai phong còn truyền !
Giặc Nguyên còn muốn báo đền,
Mượn đường hộ tống binh thuyền lại sang.
Bạch-đằng một cõi chiến tràng :
Xương bày trắng đất, máu mang đỏ sông !...»

(Phiên âm chữ nôm theo bản **Đại Nam quốc sử diễn ca**, *mộc bản in năm Tự-đức XXIII, 1870, tờ 34a).*

Và :

« Lòng hứa quốc vì son ngăn-ngắt,
Sức tý dân tựa sắt trơ trơ.»

(Chinh phụ ngâm) vân vân...

(xem tiếp trang 19)

---

1) Nguyên văn dùng chữ « Mông Thát » tức là chỉ về Mông cổ Thát-đát. Nguyên Thát-đát là một tên nước xuất hiện từ cuối đời Đường, sau là tên gọi của nước Mông-cổ khi nhà Nguyên mất, tông-tộc chạy trốn, bỏ quốc-hiệu là Nguyên mà xưng là Thát-đát.

(2, 3) Có bản chép là : « Trần Trí, Sơn Thọ chi đồ » và « Phương Chính, Lý An chi bối »...

4) Có bản chép là « hựu điển quyết thân ».

(5, 6) Có bản chép là « giang hà » và « thạch sơn ».

7) Có bản chép « điều tán ».

8) Hoặc « nhi ».

9) Hoặc « tiễn ».

10) Hoặc « vi ngã quân sở bái

TRA NGHĨA CHỮ NHO

Số 24

Ứng-hòe NGUYỄN-VĂN-TỐ

Ở quyển *Tầm nguyên từ-điển* của ông Lê văn-Hoe, dưới chữ *ong sư*, trang 192, nên thêm chữ *tăng* là người qui-y đạo Phật. Bộ *Từ-nguyên* chua chữ *tăng* gốc ở chữ *tăng-già* của phạm-ngữ (sanscrit). Đạo Phật có ba thứ bau, chữ nho gọi là tam bao, tức là Phật (Buddha), Pháp (Dharma), Tăng (Sangha). Phạm-ngữ gọi *tăng*: một là *sangha*, nghĩa là giáo-đoàn, gồm tất cả các người đi tu đạo Phật; — hai là *cramana*, Tàu dị chàm là sa-già, sa-môn, thất-na, hoặc sá-la-ma-na, v.v., là người xuất-gia; — ba là *bhikshu*, Tàu dịch âm là tì-khưu, nghĩa là người khất-sĩ đi xin các thí-chủ. Các vị tì-khưu, « chúng tì-khưu », gọi chung là tăng-già (sangha). Có một thuyết nói tiếng *sư* của ta do chữ bhikshu « tì-khưu », mà ra. Nhà chùa thì bảo ở câu « nhân thiên sư-phạm », bậc sư-phạm của cõi người cõi trời; câu ấy chép ở trong bộ *Đại-luật* nhà Phật. Ông Lê văn Hòe thì bảo « chính phải gọi là « thuyền-sư » nghĩa là ông thầy chuộng sự thanh-tĩnh, tức là ông thầy tu theo đạo thanh-tĩnh nhà Phật ». *Thiền*, hoặc *thuyền*, là một *tông-phái* nhà Phật, chữ phạm gọi là *dhyàna*, nghĩa là tĩnh-lự, bỏ hết các sự lo nghĩ, chỉ niệm-tu, nghĩ đến việc tu-hành. Dưới kia sẽ nói thêm về chữ *thiền*.

XIV. — *Chữ phạm*.

Ở trang 196-197, nên theo bộ *Nam-sử tập-biên*, sách viết bằng chữ nho của Trường Bác-cổ, số A 12, quyển 2, tờ 17 a, dịch chuyện Phạm-Nhan như thế này: « Tục truyền cha Nguyễn-Bá-Linh là người Quang-đông sang ở nước ta, lấy con gái làng An-bài, huyện Đông-triều, sinh ra Bá-Linh. Ba-Linh đỗ tiến-sĩ bên Tàu, vì thông-tư với cung-nhân, bị tội. Gặp khi ấy, vào khoảng năm 1285-1287, nhà Nguyên sang xâm-phạm nước ta: Ba-Linh xin đi hướng đạo để lập công, chuộc tội. Trận đánh ở sông Bạch-đằng, Bá-Linh cùng Ô mã-nhi (Omar) đều bị đức Hưng-đạo-vương bắt sống. Đến lúc Bá-Linh bị hành-hình, có xin với đức Hưng-đạo « cho ăn vật gì », — « hứa thực hà vật ». Đức Hưng-đạo nói: « Cho ăn huyết người sản-phụ », « hứa thực sản-phụ huyết ». Sau Bá-Linh hóa làm ma, đi khắp trong nước, hễ gặp người sản-phụ thì theo mà ăn huyết, thuốc chữa không khỏi. Có người biết, tới đền đức Hưng-đạo ở xã Vạn-kiếp, phủ Lạng-giang, xin cái chiếu, rình khi bất-ý, đặt vào chỗ nằm của người đàn-bà có bệnh, thì tự-nhiên khỏi (dịch đúng nguyên-văn chữ Hán). Nay gọi « ma Phạm-Nhan » tức là bệnh ấy, do Bá-Linh làm ra. »

Ở trang 199 quyển *Tầm nguyên từ điển*, nên chữa nguyên chữ *phạn* làm chữ *phạm*. Bộ *Từ-nguyên* chua là « phàm khứ thanh, vận hãm »: vậy phải đọc là *phạm* chứ không phải là *phạn*, mà nghĩa là tinh sạch « tĩnh-hạnh giã, khiết giã », chứ không phải là yên-lặng như lời ông Lê-văn-Hòe cắt nghĩa. Chữ tĩnh này viết ba chấm thủy chữ tranh, nghĩa là sạch; chữ tĩnh viết thanh bên cạnh chữ tranh, mới nghĩa là lặng. Phật-giáo lấy thanh-tĩnh làm *chủ* cho nên hễ việc gì quan-hệ đến Phật đều gọi là phạm: « cố phàm quan ư Phật giả giai xưng phạm » như phạm tự là chữ nhà Phật, phạm-vũ, phạm-sái, phạm-cung là chùa thờ Phật, phạm-giáp là sách nhà Phật, phạm-chúng là tăng-chúng. Ông Lê văn-Hòe nói: « *phạn* cũng nghĩa như *thuyền* là yên lặng vàng-vẻ »; *thuyền* hoặc *thiền* nghĩa là lặng « tĩnh giã »; chữ tĩnh này viết thanh bên chữ tranh. Đạo Phật lấy thanh tĩnh làm *gốc*, cho nên gọi là thiền: « Thích-giáo dĩ thanh-tĩnh vi *tông*, cố xưng thiền ». Cũng chữ *thiền*, nếu đọc là *thiện* thì nghĩa là quét đất mà tế: đời xưa ở bên Tàu vua đi tuần thú, đắp đất ở núi Thái-sơn để tế Trời, quét đất ở tiểu sơn để tế thần sơn xuyên: thông dụng là tế thiện, cũng như tế Nam giao ở nước ta bây giờ. Chữ thiện còn nghĩa là thay ngôi, « đại giã »: sách Mạnh-tử có câu: « Đường Ngu thiện » nghĩa là vua Nghiêu nhà Đường truyền ngôi cho vua Thuấn nhà Ngu.

Còn nữa

Ứng hòe NGUYỄN-VĂN-TỐ

KỲ SAU:

Phê - bình, VIỆT-NAM thi ca luận

CHU-THIÊN viết

AI PHÒI YẾU MUỐN TẨM NẮNG?

Của Bác-sĩ LÊ-VĂN-NGÔN

Y học thường thức

PHƯƠNG-PHÁP TRỊ LAO THỦƠ XƯA

của Bác sĩ LÊ-VĂN-NGÔN

TUY hồi đời thượng-cổ, lương-y không mổ tử-thi mà học bịnh và không biết vi-trùng là gì, nhưng họ cũng biết rằng vì phổi bị bịnh nên người phải chết. Nhờ sách còn lại, ta thấy họ cũng biết là phổi bị ăn lủng lỗ và làm mủ, vì họ cho đàm người bịnh khạc là mủ.

Phương-pháp trị lao luôn mấy ngàn năm chỉ có khác nhau chút đỉnh mà thôi. Tới đầu thế-kỷ nầy — thế-kỷ 20 — nghĩa là trong khoảng 40 năm nay, người ta mới phát minh vài thứ thuốc hay và việc trị lao nhờ đó mà thâu được kết-quả rất khả-quan.

***

Đối với một bịnh ra đời từ thuở mới có loài người và khó hiểu, khó trị như bịnh lao, óc nhơn-loại tự-nhiên đã bày ra nhiều thứ thuốc, nhiều thứ mà ta cho là kỳ-dị vô-cùng. Thuở xưa, bên Ấn-độ, muốn trị bịnh lao, người ta cầu-khẩn phật trước hết, sau mới lo thuốc-men. Họ khuyên đi thở gió núi. Thịt nào cũng cho ăn : từ thịt côn-trùng, rắn, rít cho tới chuột bọ, mà nhứt là thịt ép lấy máu để uống.

Người Tàu, lối 3.000 năm trước Tây-lịch, cũng biết bịnh đó. Họ cho uống qui-bản (mui rùa) lộc-nhung, thịt quạ, đồng-tiện (nước tiểu con nít), bộ sanh-dục của chó, máu nai, máu cầu-ước, nước miếng con cóc. Bây giờ họ cũng còn cho uống những món khó kiếm như gan rái, còn dùng thuốc lạ đời như bắt chó con mới đẻ bao đất sét, đem nướng chín, rồi ăn cả con.

Còn bên Âu, ông Hippocrate và đồng bào ông — người Hy-lạp — khuyên thở khí trời trong rừng vì khí trời ấy có mùi nhựa cây rất nhiều, họ lại khuyên đi dạo trên bãi biển hay lên ở gần núi-lửa vì trong khí trời ấy có nhiều sanh (soufre). Họ khuyên người bịnh nên đi bộ, nếu yếu thì đi kiệu. Họ cho uống tro cá, phổi nai, phổi chồn, bông đa, đường đâm trộn với bông huỳnh đỏ.

Nhứt là họ khuyên nên uống nhiều sữa, từ sữa bò, lừa, dê cho tới sữa đàn-bà. Người bịnh nên có một cô vú trẻ-trung, đỏ da thắm thịt. Cô vú phải nằm chung giường với họ — chỉ « đồng sàng » mà thôi — để họ có sữa một cách dễ-dàng và thiệt tươi.

Quạ tới thế-kỷ 18, nhiều lương-y còn khuyên người bịnh nằm chung với một người con gái khoẻ-khoắn vì họ cho rằng mùi thơm tho trẻ-trung ấy theo lỗ chưn lông người bịnh mà vào cơ-thể. Người bịnh suy-nhược nhờ đấy sẽ có sức lại. Khuyên vậy là họ bắt chước Hoàng-đế David thuở xưa. Vua nầy tuy đã già lắm nhưng nhờ hiệu-lực thiêng liêng ấy mà vẫn được tráng-kiện.

Ông Sydenham lại khuyên cỡi ngựa rồi cho ngựa chạy chậm-chậm. Ông bảo nhờ đó sự hô-hấp sẽ được dễ-dàng.

Đủ thứ thuốc, đủ cách trị, từ việc lấy máu bò bớt tới việc cho uống thuốc xổ thường-thường ; việc cho uống thuốc mửa để độc ra bớt, việc cho uống vôi, sanh, thạch-tín, café, lá cây mao-địa-hoàng (digitale).

Tới thế-kỷ 19, phần đông lương-y còn khuyên lấy máu bò bớt và bắt bịnh-nhơn uống sữa, ăn rau; chỉ riêng có lương-y Anh là cho người bịnh ăn nhiều thịt và uống rượu chát tốt. Qua năm 1830 mới thay ra đời món dầu cá mà đến nay ta hãy còn dùng.

Người ta lại thấy sự ích lợi của khí trời tốt. Ay là lúc mà nhà đại văn hào George Sand và nhà nhạc sĩ trứ danh Chopin đi hứng gió ở đảo Baléares hay ở miền Bretagne ; ấy cũng là lúc mà cô Elvire lên hồ Bourget rồi gặp Lamartine thi sĩ.

Cũng ở thế kỷ nầy, con của Hoàng đế Nã phá luân là công tước Reichstag (duc de Reichstag) vì bị lao mà Ngự y cấm tắm cho sạch sẽ. Họ lại khuyên năng tắm bằng dầu, bằng sữa bò, sữa lừa, bằng máu nóng, bằng ruột thú nấu nhừ.

Đến năm 1882, ông Robert Koch mới kiếm đặng vi trùng lao. Lúc ấy, khắp thế giới hết sức vui mừng vì ai cũng thiết tưởng rằng bịnh lao sẽ chóng chóng bị tiêu diệt. Nào dè...! Vâng, ai có dè đó là bịnh lao chỉ mới để biểu lộ chút ít sự bí mật của nó! Ai có ngờ đó là ông

(Xem tiếp trang 20)

Tài liệu để đính chính những bài văn cổ

Ứng hòe NGUYỄN-VĂN-TỐ

CXXXV

KIM VÂN KIỀU *(bài nối)*

Phím đàn với mảnh hương nguyền ngày xưa.

Quyển *Kiều* của Quan-văn-đường và quyển *Kim Vân Kiều truyện chú* chép là «*tấm* gương».

Mai sau dầu có bao giờ.

Quan-văn-đường chép là « bao *xa.* »

Đốt lò hương ấy, lựa *tơ phím này.*

Quan-văn-đường chép là « *tắt* tơ » để đối với chữ « *đốt* lò » ở trên ; có người đọc là « *dứt* tơ » ; ông Vĩnh chép là « *xe* tơ ».

Vầy *xin chén nước cho người thác oan*

Quan-văn-đường và quyển chú-thích chép là « *Tưới* xin *giọt lệ* cho người thác oan », xem như không đúng, vì ở bức thư của Kiều để lại cho Kim-Trọng, đã đăng kỳ trước, có câu : « Hạnh dĩ bôi-dính lịch ngã oán-hồn », nghĩa là *xin cho chén nước* rửa oán hồn-ta.

Bây giờ gương vỡ người *tan.*

Các bản chép là : « Bây giờ *trâm gãy gương* tan ». Cụ Kiều-oánh-Mậu chua câu « gương vỡ người tan » do điển : « Từ-đức-Ngôn cùng Nhạc-xương công-chúa vỡ gương từ-biệt » (*Đoạn-trường tân-thanh*, tờ 19 b) : như thế thì chữ « trâm gãy gương tan » không đúng.

Tơ duyên *ngắn-ngủi có ngần ấy thôi.*

Quan-văn-đường và quyển chú-thích chép là « *Tóc tơ* ngắn-ngủi có ngần ấy thôi ».

Cạn lời, *phách tán hồn bay.*

Có bản viết là « *hồn ngất máu say* », có bản viết là « *hồn tắt máu say* ». Cụ Kiều-oánh-Mậu nói trong truyện *Hoa-tiên* có câu : « Phách tan hồn phi, tình-tự loạn », nghĩa là phách tan hồn bay, mối tình rối-loạn.

Một hơi lặng ngắt đôi tay lạnh đồng.

Quyển *Kiều* chú-thích chép là « *gia* đồng ».

Một nhà tấp-nập *kẻ trong người ngoài.*

Quan-văn-đường và quyển chú-thích chép là « Một nhà *vây khắp* kẻ trong người ngoài ».

« *Mới* giàu *cơn vựng,* chua *phai giọt hồng.*

Ông Vĩnh chép là « mới *người* cơn vựng ». Cụ Kiều-oánh-Mậu cắt nghĩa chữ *vựng* là chết ngất : « Mới giàu cơn vựng nghĩa là chết đã dần dần tỉnh ; « chua phai giọt hồng » là chưa giáo giọt lệ ».

Cụ Kiều-oánh-Mậu chua rằng : « Câu ấy kinh-bản chép : *Mới mở vẻ phan...* », nhưng ý cụ không theo (*Đoạn-trường tân-thanh*, tờ 20 a).

Kiều càng *nức-nở,* mở *không ra lời.*

Quyển chú-thích chép là « Kiều *còn* nức-nở » ; Quan-văn-đường chép là « Kiều *càng* nức-nở, *nói* không ra lời ».

« Này *cha* làm *lỗi duyên mày* ».

Quan-văn-đường chép là : « *Vì* cha làm lỗi duyên mày » ; ông Vĩnh chép là : « *Vì* cha *nên* lỗi duyên mày ».

Thôi thì nỗi *ấy sau này đã em.*

Quan-văn-đường chép là : « Thôi thì *việc* ấy sau này đã em ».

Lạy thôi *nàng* mới lên *trình.*

Quan-văn-đường và quyển chú-thích chép là « Lạy thôi nàng *lại thưa* trình ; ông Vĩnh chép là « Lạy *rồi* nàng lại thưa trình ».

Khắc canh đã *giục* thú-*lâu mấy hồi.*

Quan-văn-đường và quyển chú-thích chép là « *nam*-lâu » ; ông Vĩnh chép là : « Khắc canh *lại* giục *nam*-lâu mấy hồi ». Cụ Kiều-oánh-Mậu chua : *thú-lâu* là lầu lính canh ».

Giọt *rơi thấm đá, tơ chia rũ tằm.*

Ông Vĩnh chép là « *Lệ* rơi ».

Trời hôm mây kéo tối rầm.

Ông Vĩnh chép là « tối *ầm* ».

Rước dâu *về đến trù-phường.*

Các bản chép là « Rước *nàng* ».

Tư *bề xuân* khóa *một nàng ở trong.*

Các bản chép là « *Bốn* bề xuân *tỏa,* một nàng ở trong ». Chữ *tỏa* nghĩa là *khóa* ; vì chữ nôm không có chữ *khóa,* nên người ta thường viết chữ *tỏa,* nhưng đến khi đọc thì phải đọc là *khóa.* Cụ Kiều-oánh-Mậu sợ người ta cứ đọc là *tỏa,* nên cụ viết khác đi : cụ viết chữ « kim » bằng chữ « quả ». Vậy nên đọc là *khóa* mới đúng.

Phẩm tiên rơi đến tay hèn.

Quan-văn-đường viết là « *đã* đến tay hèn ».

Thân này thôi có ra *gì mà mong.*

Ông Vĩnh chép là « *còn* gì mà mong ». *(Xem tiếp trang 19)*

PHÊ BÌNH

Vở Jalousie của Sacha Guitry biến thể trong :

« GHEN »

kịch ba hồi của Đoàn-phú-Tứ

KIỀU-THANH-QUẾ viết

Trước đây trên tờ « Bắc Hà », bạn Lê Thanh đã có dịp so sánh vở « Ghen » của ông Đoàn phú Tứ với vở « Jalousie của Sacha Guitry.

Để trả lời Lê quân, ông Nguyễn Lương Ngọc đã có bài đăng ở báo « Tinh Hoa ».

Nay vở « Ghen » lại được xuất bản thành sách, bạn Kiều Thanh Quế có bài phê bình dưới đây để góp thêm một vài ý kiến nữa. *T. T.*

...Ông Blondel là một người rất kim chỉ. Mỗi chiều, sau giờ làm việc, ông về nhà với vợ đúng bảy giờ. Nhưng chiều nay, ông về đến nhà đúng tám giờ tối. Làm sao cắt nghĩa sự chậm trễ ấy ? Ông tự trách mình sao có vô lý theo đuổi một người đàn bà gặp ngoài đường. Và ông giận mình sao lại hứa mai sẽ đến nơi kỳ hẹn tái ngộ người đàn bà ấy. Marthe — vợ ông — nếu cật vấn ông, ông lấy lời gì che đậy ? Ông không biết nói láo hay ông nói láo dở lắm. Nghĩ một lúc, ông định sẽ bảo vợ rằng mình về trễ là vì bận tìm mua biếu vợ một món đồ.

Sau ý định ấy, ông kêu đứa ở bảo cho « bà » hay ông đã về tới. Ra bà ra phố, chưa về ! Tám giờ rưỡi rồi mà chưa về. Suy bụng ta ra bụng người, ông Blondel đâm nghi vợ đi ngoại tình.

Khi vợ về, ông tra gạn lôi thôi... Marthe, thật tình vô tội, nhìn chồng bằng cặp mắt thao láo ngạc nhiên. Blondel không đọc được sự vô tội trên cặp mắt vợ, cứ gạn hỏi mãi... Đến nỗi Marthe phải bực tức, tủi thân đổ lệ. Blondel hơi hối hận dỗ dành. Nhưng được một lúc, cơn ghen lại nổi lên. Vì trong khi nói chuyện, Marthe vô tình nói đến tên một người bạn của chồng : Lézignan...

Marthe và Lézignan ban đầu thật chẳng có tình ý gì lang chạ với nhau cả. Nhưng sự ghen tuông vô lối của Blondel về sau du cả hai vào tội lỗi.

Sau khi Marthe đã rơi vào tay Lézignan, oái-oăm thay bấy giờ Blondel lại bắt đầu bớt nghi ngờ vợ. Và sau khi nghe vợ bảo : « Anh đã tỏ ra đáng ghét đến đỗi tôi *muốn* trái đạo cùng anh » (« Tu t'es montré si détestable que j'ai *failli* te tromper »), Blondel lại sẵn lòng tha thứ cho vợ một cách dễ dàng...

Cốt truyện trên đây của vở « *Jalousie* » được đem lên sân khấu Pháp lần thứ nhất vào năm 1915. Bấy giờ, Pháp Đức đang giao tranh, René Doumic lúc ấy phê bình kịch *Jalousie* viết một câu bực tức trên tờ Revue des Deux Mondes : « Nước Pháp không có ý thích nào muốn biết coi ông Blondel có bị cắm sừng hay không » (« La France n'a aucune envie de savoir si M. Blondel est ou n'est pas cocu »).

Đang lúc binh lửa, nói chuyện ghen tuông là bất hợp thời. Nhưng buổi bình thời, vấn đề ghen tuông vẫn được người ta đem ra giết thì giờ.

Ngày 3 Novembre 1930, vở « *Jalousie* » được đem diễn lại ở nhà hát Madeleine tại Pháp.

Năm 1937, cốt truyện *Jalousie* phiêu lưu sang Đông dương : ngày 13 Mars năm ấy tại nhà hát Tây Hanoi nó ra mắt khán giả annam, biến thể trong vở *Ghen* của Đoàn phú Tứ.

Chúng tôi nói « biến thể », vì *Ghen* với *Jalousie* không phải như *Tội và Tương* với *La peur* (1). *Ghen* với *Jalousie* giống nhau ở chỗ đại đồng mà khác nhau ở những tiểu dị.

Tuấn của Đoàn phú Tứ cũng ghen bóng ghen gió như Blondel của Sacha Guitry. Nhưng Kim — vợ Tuấn — không đi chơi về trễ như Marthe ; thế mà cũng bị Tuấn ghen tra gạn ! như Marthe bị Blondel làm tình làm tội. Rồi Kim, ban đầu vô tội, về sau cũng bị sự ghen vô lối của chồng du vào con đường tội lỗi với Linh ; như Marthe với Lézignan.

Kết cuộc : Kim, sau khi giận dỗi bỏ về với mẹ đẻ, trở lại cùng chồng. Như Marthe không làm lại cuộc đời với Blondel.

Lầm việc mò phỏng, Đoàn phú Tứ tỏ ra có chỗ tinh ngoan hơn Lan Khai (2).

Trong *Jalousie*, sau khi lỡ lầm với Lézignan, Marthe thú tội cùng mẹ.

Ở xã hội Việt Nam, con gái không bao giờ dám thú tội ngoại tình với mẹ. Kim của Đoàn phú Tứ sau khi lỡ lầm với Linh, thú tội cùng cô em gái : Liên.

Lời thú tội của Marthe với mẹ :

— « Si, maman..., c'était faux hier soir encore, mais aujourd'hui, c'est vrai. Je te jure, maman, que je n'y pensais pas, que je n'y avais jamais pensé. Il (Blondel) m'a vraiment jetée dans les bras de cet homme !... A force de m'accuser... à force de me répéter que cet homme m'attendait chez lui... j'ai fini par y aller — et j'ai fait cette chose qui me paraissait impossible parce qu'elle a cessé de me paraître impossible quand je l'ai vu, lui, mon mari, l'admettre, après l'avoir supposée!... Je ne comprends pas qu'on puisse voler, mais si l'on m'accusait d'avoir volé, je crois que pour la première fois je comprendrais que ce soit faisable. Ce n'est pas une excuse que je cherche, maman, et je ne suis pas fière de ce que j'ai fait... car c'est une vraie folie que j'ai commise, et cet homme, je ne le reverrai jamais... »

Những lời ấy của Marthe biến thể thành bài luân lý của cô em vợ ranh mãnh (Liên) đem dạy cho người anh rể ghen tuông (Tuấn) :

« ...Ngày xưa có một đứa trẻ ở với bố mẹ. Nó rất ngoan, không bao giờ ăn vụng cả. Một hôm, bố nó mua về một gói bánh, cất đi một chỗ, rồi lại gọi nó ra mà bảo rằng : « Mày ăn vụng bánh thì chết đòn đấy nhé, nghe không » ? Thế là đứa bé đã nảy ngay ra cái ý kiến ăn vụng rồi. Đến chiều về, thì chuột đã tha mất một chiếc bánh, người bố thấy thiếu, gọi đứa trẻ ra mắng nhiếc. Đứa trẻ vừa xấu hổ, vừa tức, không thèm chối cãi nữa. Nó ngồi khóc một xó. Bụt hiện lên làm người hỏi : « Tại sao con khóc »? Nó đáp : « Thưa với bụt, con không ăn vụng bánh mà phải mắng oan ». Bụt bảo : « Thế thì con cứ ăn vụng thực, con sẽ không phải mắng nữa. Hay có phải mắng, thì cũng đỡ oan uổng »... Vậy, hôm sau, đứa bé ăn vụng bánh thực, rồi nói dối là chuột tha, và chính mắt nó trông thấy ; lần này nó không phải mắng. Rồi từ đấy nó quen mùi, cứ ăn vụng mãi ; mỗi lần lại tìm được cách nói dối. Vì thế trẻ con về sau có tham hay ăn vụng bánh là tại người nhớn xui nó... Đây, xem như câu chuyện ấy, thì con ăn vụng bánh là tại bố mắng oan, mà vợ có ngoại tình là tại chồng ghen bóng ».

Sau bài phê bình *Tội và thương* của Lan Khai, nhiều người chuộng sự thành thật trong văn chương tỏ lời khuyến khích ngòi bút hèn kém này, nhưng cũng có lắm kẻ nệ chấp cho chúng tôi làm thế là vì ác ý với tác giả.

Ở đây, chúng tôi xin miễn thân oan cho mình ; và xin theo đuổi công việc của mình, để tỏ rằng :

« Những tư trào của thần trí nhân loại quay cuồng, thay đổi nhau, thi hành những cuộc di cư ; như thế các dân tộc mà những tư trào ấy tiêu biểu. Sự thông minh lan rộng quan điểm trở thành cosmopolite, và dân tộc, không ra khỏi nơi mình, dự vào các chuyển động, các lầm lẫn, các cảm giác của những dân tộc xa xôi nhứt... »

(Les courants de l'esprit humain tourbillonnent, se remplacent, accomplissent, des migrations, tels les peuples qu'ils représentèrent. L'intelligence s'élargit, le point de vue devient cosmopolite, et la race, sans sortir de chez soi, participe aux troubles, aux erreurs, aux sensibilités des races les plus éloignées » (Léon Daudet).

Lan Khai đã phỏng theo Stefanzweig (3) nhưng không cung khai sự thật.

Đoàn phú Tứ đã theo Sacha Guitry, dầu theo khôn ngoan, nhưng cũng có ý giấu giếm then chốt công việc trứ tác của mình.

Đó là lỗi của hai ông. Chớ Corneille đã theo Guilhem de Gastro, có ai trách tác giả *Le Cid* đâu !

Vì « sứ mạng văn chương của chúng ta là cốt làm cho mình trở nên những kẻ môi giới của cuộc lưu thông ý tưởng và cốt cung cho các ý tưởng ấy hình thức thích dáng để dùng đó làm giá trị phổ biến của sự đổi chác » (« notre mission littéraire n'a consisté qu'à nous rendre les médiateurs de la circulation des idées et à leur donner la forme qu'il fallait pour en faire la valeur universelle d'échange » (Brunetière).

KIỀU THANH QUẾ

(1, 2, 3) Xem lại Tri Tân số 43, bài phê bình **Tội và Thương** *của Lan-Khai do K. T. Q. viết.*

BIA VĂN-MIẾU

NHỮNG ÔNG NGHÈ TRIỀU LỄ

Số 45

Ứng-hòe NGUYỄN-VĂN-TỐ

Bia thứ sáu hiện còn dựng ở sân Văn miếu Hà thành, chép tiến sĩ khoa mậu tuất, năm 1478, hiệu Hồng đức thứ chín, đời vua Lê Thánh-Tôn ; chữ nho đề là « Hồng đức cửu niên, mâu-tuất khoa, tiến sĩ đề danh ký ». Bài văn bia dịch ra như sau này :

« Đổi hiệu Hồng đức đến nay là năm thứ chín, 1478. Xuân quan, — tức là bộ Lễ — theo lệ cũ, họp những cử nhân trong thiên hạ để thi, được sáu mươi hai người hợp cách.

« Ngày 14 tháng năm, Hoàng thượng ngự tới hiên ra đầu bài thi, xét những văn ứng đối để kén chọn. Hoàng thượng ban dụ rằng : « Dưới chỗ thịnh danh, học trò phần nhiều không xứng » : Khoa này tiến sĩ cập đệ không ai đỗ đệ nhất danh, — tức trạng nguyên ; chỉ có Lê quang Chí đỗ đệ nhị danh — tức bảng nhỡn, — Trần bích Hoành và Lê Ninh đỗ đệ tam danh, — tức thám hoa ; ngoài ra cho lũ Nguyễn địch Tâm chín người đỗ tiến sĩ xuất thân, lũ Nguyễn Hiến năm mươi người đỗ đồng tiến sĩ xuất thân. Theo lệ nên khắc tên vào bia đá, dựng ở học cung ; nhưng bộ Công nấn nửa chưa làm ngay ; mãi sau bảy năm là năm giáp thìn 1484, có chiếu truy lập bia tiến sĩ, sai thần là Đôn Phục làm bài ký này.

« Thần kính trông : khí vận nước nhà quan hệ ở nhân tài, nhân tài cao thấp cỗi gốc từ khoa mục.

« Đức Thái Tổ Cao hoàng đế, (Lê Lợi 1418-1433) mới bắt đầu thay mệnh trời dựng niên hiệu, đã lấy kinh nghĩa và luận sách thi học trò : ấy khoa mục cỗi gốc từ đấy.

« Đức Thái tôn Văn hoàng đế, 1433-1442, nối chí đời trước, theo việc người xưa, mối giềng mở hết năm Đại bảo, 1442, khai khoa, nhân tài lũ lượt nẩy ra : ấy khoa mục chấn hưng từ đấy.

« Đức Nhân tôn hoàng đế, 1442-1459, nối gót vua đời trước mà làm theo, không dám để suy lạc (thất trụy).

« Đến đức Hoàng thượng trung hưng (Lê Thánh tôn, 1460) làm hết những việc bỏ dở, ba năm một lần đại tỵ, khoa kỳ phải khoảng, lần lượt ân vinh, chu tất hết cả.

« Từ năm nhâm tuất hiệu Đại bảo, 1442, đến nay, tất cả mười khóa, được nhân tài để nhà nước dùng mãi mãi, thật là tốt đẹp. Khắc bia đá để ghi việc thịnh, lưu truyền mãi mãi, không nên làm rồi lại bỏ.

« Những người được khắc tên vào bia đá này, phải xét xem ý dựng bia của triều đình, đầu mối từ đâu ; sao chẳng cầu làm người trung thần, làm người hiếu tử, ngày thường thì dám nói, thẳng can, tôn vua giúp dân, lúc lâm sự thì vì nước quên nhà, thấy nguy bỏ mệnh, khiến người ta trỏ lần từng tên, nói rằng : Người này trung, người này trực, người này tiến thiện xích tà, giúp ích cho nước, người này trọn tiết làm tôi không phụ khoa mục » : như thế thì càng lâu càng không mòn. Thẳng hoặc có người mượn khoa mục để làm kế no ấm, có người mượn lối ấy để làm đường sĩ hoạn chỉ mưu việc mình, chểnh mảng việc nước, thì người ta sẽ trỏ vào tên nói rằng : « Người này gian người này nịnh, người này trước nhà sau nước, béo mình gầy người người này hãm người thiện, bè đảng kẻ tả, làm ô danh khoa mục » như thế thì càng lâu càng thêm vết. Ấy cái thâm ý dựng bia đá là thế, không những truyền để lâu dài làm vinh quan mà thôi đâu. Thần phụng chiếu làm bài ký này, nhân thuật rõ việc, để khuyên răn. Thần kính cẩn chép.

« Hiền cung đại phu, Hàn lâm viện thị thư, kiêm Tú cục tư huấn Nguyễn đôn Phục, phụng sắc soạn Cần sự lang trung thư giám chính tự, Thái thúc Liêm phụng sắc thư Mậu lâm lang Kim quang môn đãi chiếu, Tô ngại, phụng sắc triện.

« Bia dựng ngày 15 tháng tám năm Hồng đức thứ mười lăm, 1484 ».

Nguyễn đôn Phục, soạn bài bia này, là người xã Trì lễ, huyện Thanh oai. phủ Ứng thiên, tỉnh Sơn nam, đỗ nhị giáp tiến sĩ khoa bính tuất, năm 1466. Mùa đông năm giáp ngọ 1474, sung chức phó sứ cống bộ. Làm quan đến tả thị lang, kiêm Đông các đại học sĩ (chép trong *Đăng khoa bị khảo*, quyển Sơn nam, tờ 33a).

1. — Lê-quảng-Chí, hiệu Hoành-sơn, người xã Thần-đầu, huyện Kỳ-hoa nay là Kỳ-anh, phủ Hà-hình

sau đổi là Hà-hoa, bây giờ là Thạch-hà, tỉnh Hà-tĩnh. Sinh năm thứ nhất hiệu Diên-ninh 1454, đời vua Lê Nhân-tôn. Năm hai-mươi-nhăm tuổi đỗ đình- nguyên đệ-nhất-giáp tiến-sĩ đệ-nhị danh, tức bảng-nhỡn, khoa mậu-tuất năm 1478, hiệu Hồng-đức thứ chín, đời vua Lê Thánh-tôn (chép theo *Đăng khoa lục*, quyển 1, tờ 22 b, *Đăng khoa bị khảo* thu-tập trung tờ 50 b, *Nhân-vật tinh-thị khảo*, của ông Nguyễn-bá-Trác, sách viết bằng chữ như ông Trường Bác-cổ, số A 2600, quyển 2, tờ 126b). Ngự đề hỏi về lịch-sử Đinh, Lý, Trần, ông đối-đáp rất rõ-ràng, lời văn thông hoạt. Vua triệu vào xem trạng mạo, thấy người xấu, cho đỗ bảng-nhỡn, Khi làm quan, bàn việc, đều dẫn những nghĩa-lý đời xưa đời nay. Vua Lê Thánh-tôn thường gọi là tiên-sinh, yêu chuộng ngang với ông Thân-nhân-Trung và ông Đào-Cử: văn-chương đức-nghiệp đáng làm cho đời bắt-chước (chép theo *Đại-Nam nhất thống chí*, quyển Nghệ-an, tờ 54a, và *Toàn Việt thi lục*, quyển 13, tờ 3 a). Năm Hồng-đức thứ mười-sáu 1845, thăng Lễ-bộ tả-thị-lang, coi việc viện Hàn-lâm. Năm Hồng đức hai mươi bốn 1493, thăng Đông các học-sĩ, sung chức độc-quyền thi điện, rồi trí-sĩ. Đến năm thứ ba hiệu Nguyên-hoà, 1535, mất, thọ tám-mươi-hai tuổi. tặng hàm thượng-thư, phong phúc-thần, lập đền cúng tế. Em là Lê-Ý đỗ tiến-sĩ khoa kỷ-mùi năm 1499. cũng làm phúc-thần. Về đời Tự-đức, sứ Tàu là Lao-sùng-Quang đi qua đền, — đền ở cạnh đường cái quan xã Thần đầu,— có đề câu rằng: « Thùy gia huynh đệ hảo, song miếu uất tinh-linh ». nghĩa là anh em nhà ai tốt thế, hai miếu thờ nghi-ngút khí thiêng. Tiến-sĩ Trương-quốc-Dụng có đề câu đối ở cột cổng đền như sau này: « Nhất môn khoa giáo nan huynh đệ, song miếu anh-linh tự cổ kim », một nhà đỗ khoa giáp, hợp vào chữ « nan huynh đệ »,— nghĩa là khó làm anh làm em, ý nói tài đức ngang nhau,— hai miếu anh-linh suốt tự xưa đến nay (chép theo *Nhân vật tinh-thị khảo*, của ông Nguyễn-bá-Trác, quyển hai, tờ 127 b). Trong bộ *Toàn Việt thi lục* của ông Lê-quí-Đôn, có chép sáu bài thơ cận-thể của ông Lê-quảng-Chí (quyển Lê-*triều tiến-sĩ đề danh bi ký*, sách viết của Bác-cổ, số A 109, tờ 25b, chép nhầm là Lê-quảng-Trung): sáu bài đều là hoạ vần thơ ngự-chế, đầu đề là Bái yết Sơn-lang, — Chơi thuyền buổi sớm sông Thiên-vực,— Nhớ công-nghiệp đức Thánh tổ,— Lên điện Quang-đức, cảm hoài thành thơ,— Ngự nhà Kiến-thụy,— Dừng chân ở châu thúy-ái-

2.— Trần-bích-Hoành, người làng Vân cát, huyện Thiên-bản, phủ Kiến-hưng, tỉnh Sơn-nam. Năm hai mươi-bảy tuổi đỗ nhất giáp tiến-sĩ đệ tam danh, tức thám-hoa, khoa mậu-tuất 1478. Làm quan đến Đông-các học-sĩ (*Đăng khoa bị khảo*, quyển Sơn-nam, tờ 100 a).

3.— Lê-Ninh, người xã Thụ ích, huyện An-lạc, phủ Tam-đài, tỉnh Sơn-tây. Năm ba-mươi mốt tuổi, thi hội đỗ hội-nguyên, thi đình đỗ nhất giáp tiến-sĩ đệ tam danh, tức thám hoa, khoa mậu-tuất 1478. Năm nhâm-dần 1482 làm Hộ-bộ tả-thị-lang, kiêm chức vương-phò. Phụng mệnh đi sứ. Trở về tặng thượng-thư. Là ông nội Lê Hiến, đỗ tiến-sĩ năm 1550 (*Đăng khoa lục*, quyển 1, tờ 22 b, *Đăng khoa bị khảo*, thu tập thượng, tờ 50 b, *Nhân-vật tinh-thị khảo*, quyển 2, tờ 128 a).

Thế là khoa mậu-tuất 1478, năm Hồng-đức thứ chín, đỗ ba đệ nhất giáp: một bảng-nhỡn và hai thám-hoa, chứ không có trạng nguyên.

Đệ nhị giáp đỗ chín ông, là những ông sau này:

1,— Nguyễn-địch-Tâm, người làng Hoàng-xá, huyện Yên sơn, *Đăng khoa lục* chép là huyện Ninh-sơn,—phủ Quốc-oai, tỉnh Sơn-tây. Đỗ tiến-sĩ năm mười tám tuổi. Làm quan đến thượng-thư, thiếu-bảo, An-quận công, có soạn quyển *Việt-khảo sử-giám* (*Đăng khoa lục*, quyển 1, tờ 22 b, *Đăng khoa bị khảo*, thu-tập thượng, tờ 36 a); sách ấy nay không còn.

Còn nữa

Ứng-hoè NGUYỄN-VĂN-TỐ

Thống Chế Pétain đã nói:

« Luật thứ nhất của lòng yêu nước là giữ gìn mối thống nhất cho quốc gia. Nếu ai cũng đòi theo ý riêng về nghĩa-vụ yêu nước, thì chẳng làm gì có quê hương, có quốc gia, chỉ còn có những đảng phái làm mồi cho sự tranh hùng tích kỷ. Lòng người đã li tán, tự nhiên chỉ gây ra nội loạn, xã-tắc phân chia, huynh đệ bất hòa ».

Sách mới

TRIẾT HỌC **NIETZSCHE**
của **Nguyễn đình Thi** giá 1p.95
Một triết lý của nghệ thuật. Một không mắt nhìn vào tương lai loài người
Đã phát hành

TRIẾT HỌC KANT
156 trang — giá 1 $ 50
VÀNG SAO *của Chế lan Viên trong « Tủ sách đẹp » giá 2 $ 50*
Nhà xuất bản **VĂN VIỆT**
49, Takou — Hanoi

VIỆT hóa với diễn âm khác nhau là thế. Việt hoá dùng được, mà diễn âm thì nó vụng về không thể dùng được.

Còn lối diễn nghĩa ? Lối diễn nghĩa mới lại càng vô nghĩa lý.

Mình đem dịch nghĩa những chữ chuyên môn của người Pháp là vì mình không thấy cái lý tại làm sao, tiếng nước nào cũng vậy, khi viết khi nói khoa học lại cần phải có chữ chuyên môn, nó là một thứ chữ mà người ta vẫn có thể, — trong nước nào dùng ngay tiếng nước ấy — diễn dịch bằng những đoạn thường ngữ được.

Tại sao người Pháp lại không dùng những đoạn thường ngữ như figure à trois angles, ligne partageant (un angle) en deux (angles égaux) mà lại vẽ vời đặt ra những chữ chuyên-môn triangle, bissectrice để thế vào ? Chỗ đó mình không tự hỏi, mình không xét ra, nên mình mới dùng lối diễn nghĩa là lối tự nhiên ai cũng nghĩ đến khi học bằng tiếng ngoại-quốc mà lại muốn nói ra bằng tiếng nước nhà.

Nhưng có nghiệm ra thì mới biết không dùng lối ấy trong văn khoa học được.

Chữ chuyên-môn mà dịch thì nó giòng dài, để trong câu lúng-túng tối nghĩa là lẽ cố-nhiên rồi.

Dịch nhiều khi là vô-lý. Dictée mà dịch là ám-tả thì xưa kia đúng mà bây giờ không đúng nữa, vì xưa kia viết dictée là viết mò (écrire à l'aveuglette). Viết mò chữ có hại, không có lợi, nên người ta bỏ cái lối ấy đi rồi ; nhưng tiếng ám-tả của mình vẫn còn. Hydrogène dịch là khinh-khí nghĩa là cái khí nhẹ, ám chỉ cái khí nhẹ hơn nhứt trong các vật hơi. Nhưng biết đâu sau này người ta không tìm thấy

CÁCH ĐẶT TIẾNG VIỆT

mới dùng làm chữ chuyên - môn

NGUYỄN-TRỌNG-THUYẾT

(Tiếp theo)

một thứ khí nhẹ hơn khinh-khí ? Lúc bấy giờ tiếng khinh-khí lại sai nghĩa. Vì vậy, hóa-học Âu-châu đã bỏ cái cách đặt tên theo tính, tức là theo nghĩa của các vật đi rồi. Xin xem bài Adaptation, nói hết ra dài quá.

Diễn nghĩa còn nhiều cái bất lợi nữa. Chữ bissectrice mà dịch là «đường phân giác» thì trẻ em sau này phải biết chữ nho mới hiểu, mới dễ nhớ, chữ perpendiculaire mà dịch là «đường thẳng góc» thì người An-nam thông thạo tiếng an-nam cũng không hiểu được. Chữ angle lúc dịch là « giác » lúc dịch là « góc » thì sao gọi là chữ chuyên-môn được ? Chữ triangle dịch là hình tam giác thì chẳng thà gọi ngay hình ba góc còn hơn, chữ focale dịch là « tiêu-hình » hay dịch bằng hai chữ nho nào đó cũng thế vì những nhà thâm nho không hiểu chữ focale thì cũng không hiểu chữ tiêu-hình. Diễn nghĩa mà từ người trẻ cho đến người già, từ người chỉ biết tiếng việt cho đến người thông tiếng pháp, thông chữ nho, từ trên chí dưới không ai hiểu nghĩa những đoạn dịch ấy cả thì dịch làm gì ? Chữ chuyên-môn chưa có thì đặt, đặt sao cho có vẻ là tiếng an-nam, đặt sao cho mỗi một vật mỗi ý chỉ có một tiếng kêu lên là được. Nghĩa thì chua sau, viết khoa học bao giờ cũng phải làm như thế, vì dù lối diễn nghĩa có dùng được thì cũng còn phải chua nghĩa kia mà.

Nhưng mà lối diễn nghĩa nhất định không dùng được. Những nhóm chữ như hình tam giác, đường phân giác, đường thẳng góc không dùng thế cho chữ chuyên-môn được, không thể gọi là danh-từ khoa học được. Chúng là những đoạn xếp bằng thường ngữ, vì vậy chỗ nên khi viết thành câu, văn lủng củng tối nghĩa. Đố ai thông tiếng việt, biết chữ nho và hiểu hình học, đọc đến câu này mà luận nghĩa ngay được :

« Một điểm ở đường phân giác của một góc là xa cách đều hai cạnh góc ấy ».

Những câu thai của người thường dân hay những câu sấm của Trạng-Trình còn dễ hiểu hơn.

Thiệt thế, giả hỏi :

« Thân bên đông, đầu bên tây, ngọn tầy bồ, gốc tầy tăm, mà lại kêu vo-vo là cái gì ? » thì ai cũng hiểu ngay là cái diều sáo, Chớ hỏi « đường thẳng góc là cái gì ? » thì tôi chắc khó có người đoán được.

Chỉ vì cần cho lời nói câu văn gọn-gàng minh-bạch, nên mới phải đặt ra những chữ chuyên môn.

Giả thử mình nhiều óc khoa-học, ít thói tưởng tượng bông-lông, đừng có những cái hóm-hỉnh không phải lúc, nói đằng nọ nghĩ ra đằng kia, không câu-nệ, thì lấy ngay tiếng « thẹo » để chỉ cái mà người pháp gọi là triangle thì khi mình nói : Hai cái thẹo bằng nhau là rõ nghĩa ngay. Nếu dịch chữ triangle là tam giác hay là chi-chi đi nữa mà cái óc mình nó cứ tinh-quái, thì rồi nó cũng hóa ra tục. Thanh, tục ở như óc mình, óc tục thì vật tục, vật tục thì tên tục không thể tránh được.

Hễ dịch là lời nói lúng-túng, câu văn tối nghĩa. Hai hình tam giác bằng nhau hay hai cái ba góc bằng nhau cũng vậy. Hai tiếng bằng nhau đi với chữ góc hay chữ « cái » chữ « giác » hay chữ « hình » ? Mới một đoạn của người Pháp deux triangles égaux dịch ra tiếng ta nó đã lúng-túng tối nghĩa, còn nói gì đến khi phải viết thành câu, thành bài, thành sách !

Hai hình tam giác ba cạnh bằng nhau là cái gì ? Đó là một câu thai cho người muốn xem hình-học viết bằng lối dịch. Ba cạnh bằng nhau là ba cạnh của một cái nó bằng nhau, hay ba cạnh của một cái này bằng ba cạnh của cái kia ? Hai hình tam giác ba cạnh bằng nhau đối đối, hay là hình tam giác ba cạnh đối đối bằng nhau là cái gì ? Đó lại là một câu thai khó giải nữa.

Đấy, nếu dùng lối diễn nghĩa để dịch những chữ chuyên-môn thì văn khoa-học của mình sau này đại khái nó tối nghĩa như thế đấy, có tồn thì-giờ cho người học không ? Dùng làm sao được ? Vì vậy mới phải đặt chữ chuyên-môn ra mà dùng.

IV) *Những phương pháp để đặt ra việt-nam chuyên-môn tự*

a) Chữ chuyên-môn, một là mình có rồi ở trong thường-ngữ thì cái nghĩa của nó phải đúng xát-xạt không thừa, không thiếu, với cái ý chuyên-môn mà mình cần nói tới.

b) Nếu cái nghĩa nó không xát với ý, thì phải định nghĩa (définir) hay biệt nghĩa (spécialiser le sens du mot) cho nó.

Tỷ dụ hình-học phải định nghĩa cho những chữ *chấm* hay *điểm*, *đường* hay *vạch*, *mặt* hay *diện*, và *khối* là thế nào.

Động-vật-học (zoologie) phải biệt nghĩa cho mấy chữ này chả hạn : *nòi, giống, loài, chủng-tộc, ngòi, thứ, hạng, ngành* là những chữ có thể tạm dùng được, nhưng nghĩa thường của nó tờ mờ, lúc dùng chữ này, lúc dùng chữ kia cũng được. Động-vật-học phải định một lần cho dứt-khoát rằng *nòi* hẹp nghĩa hơn *giống*, *giống* hẹp nghĩa hơn *loài*, *loài* hẹp nghĩa hơn *chủng*, v. v. chẳng hạn, làm cho mỗi chữ ấy chỉ dùng được trong một trường-hợp nhất-định thôi.

Chữ chuyên-môn một là có rồi hay tạm có rồi, thì đều phải làm như thế, phải định-nghĩa, phải biệt nghĩa cho chúng cho chặt-che.

Hai là chưa có, thì phải đặt ra. Nếu không thể đặt ra được thì thiệt là ông Trời độc-ác, ông ấy giam hãm mình ở chỗ tối-tăm, không cho mình tiến-hóa được nữa. Trí-não con vật không phải là không tinh, nhưng không tiến-hóa được bằng trí-não của người là vì con vật không nói được nhiều tiếng và không đặt được ra nhiều tiếng để mà nói.

Nhưng ông Trời không lẽ bất-công. Người Việt-nam còn có cách đặt mãi mãi nhưng tiếng ra mà dùng.

Cách thứ nhất

Mượn tiếng nước ngoài rồi việt-hóa nó đi. Bất cứ tiếng nước nào, độc vận hay đa vận, chữ chuyên môn người ta có mà mình không có thì mình đều mượn được cả miễn là việt-hóa nó đi.

Khi mượn có một điều rất cần mình phải nhớ là mỗi chữ chuyên-môn chỉ có thể là một chữ liền nguyên một khối (mot monobloc) thôi. Hễ thấy của người ta còn phải ghép bằng hai chữ thì cái nhóm chữ ấy chưa phải chữ chuyên-môn. Nó là một đoạn thường-ngữ. Khi đó tiếng của cũng người ta không hơn gì tiếng của mình. Không nên mượn.

(còn nữa)

NGUYỄN TRỌNG THUYẾT

Giá báo

Mỗi số	0 $ 20
1 nam	8 50
6 tháng	4 50
3 tháng	2 35

Công sở giá gấp đôi

Mua báo xin giả tiền trước

THỜI-ĐÀM

ALASKA

NHẬT-NHAM

DOI đất Alaska là một cái cầu nối hai lục-địa, xưa đã từng làm đường giao-thông cho dân Á-đông di-cư sang Mỹ-châu. Cuộc di-dân ấy đã tiến-hành từ mấy nghìn năm trước khi Kha-Luân-Bố khám-phá được Tân-lục-địa.

Lúc mới đầu dân di-cư đến Alaska để thuộc da các loài thú. Hàng mấy trăm thợ thuộc da người Nga sang Alaska, tổ-chức thành một châu Mỹ Nga, đặt kinh đô tại Sitka. Ngoài ra có hàng triệu người sinh-nhai về nghề đồ-tể. Cuộc tàn-sát súc-vật bành-trướng đến nỗi chẳng bao lâu không còn súc vật để lột da nữa, nên cuộc di-dân phải ngừng-trệ. Xứ Alaska không có lợi gì cho nước Nga nữa, cho nên năm 1867, Nga bán Alaska cho Hoa-kỳ.

Khi đó, Hoa-kỳ tuy tậu được Alaska cũng chưa hài lòng. Mãi đến năm 1896, Georges Cormack tìm được mỏ vàng tại Klondike. Từ đó cuộc di-dân lại bắt đầu tiến-hành một cách sốt sắng. Nhưng những người đến tìm vàng đều thất-vọng. Đa-số phải chịu nhiều điều cực-khổ và những người hi-vọng làm giầu đều bị chôn vùi trong bão tuyết. Đến khi các mỏ vàng khai-thác xong, những người đến tìm vàng đều lần lượt dời Alaska về nước.

Hiện thời, Alaska — địa-thế một phần năm xứ Hoa-kỳ — chỉ còn hơn 7 vạn người, một nửa là Mỹ và Âu 1 phần tư là thổ-dân, và 1 phần tư là Ấn-độ.

Alaska là nơi thực dân của Hoa kỳ. Chính-phủ Hoa-kỳ trích tiền-công-qũy cho mấy trăm nông-dân tới Alaska lập ấp doanh-điền. Công cuộc kết qủa rất mỹ-mãn, vượt ngoài mong-ước. Hoa-màu rất tốt, nhiều cây mọc chóng gấp ba các cây giống tại các nước Nam Mỹ mà qủa lại to và ngon hơn hoa qủa Hoa-kỳ.

Điều bất tiện cho nền kinh-tế và chiến-sự là Alaska không có đường bộ giao-thông với Hoa-kỳ và Gia-nã-đại, chỉ có đường thủy nối với hai xứ này mà thôi.

Cách đây một thế-kỷ, sau khi tìm thấy mỏ vàng tại Colombia của Anh, nhiều đường độc-đạo được mở-mang và từ đó người ta nảy ra sáng-kiến đặt một con đường giao-thông trên bộ. Cái chương-trình công-tác ấy sau khi bàn đi tính lại nhiều lần mới được thực-hành, vì tuy Hoa-kỳ và Gia-nã-đại đều công-nhận sự ích-lợi của con đường ấy, nhưng đến khi chia các khoản-phí, hai nước không sao thỏa thuận được. Chính-phủ Hoa-Thịnh-đốn công-bố 5 phần 6 con đường ấy chạy qua Gia-nã-đại thì Gia-nã-đại phải chịu 5 phần 6 số tiền đắp con đường ấy. Trái lại, Gia-nã-đại trả lời là con đường có ích riêng cho Hoa-kỳ liên lạc với đất-đai của mình về phía bắc, mà Hoa kỳ phải tự lấy làm hài lòng là Gia-nã-đại đã để cho Hoa-kỳ đặt đường qua địa-phận Gia-nã-đại; như vậy Hoa-kỳ không nên bắt Gia-nã-đại phải chịu một khoản-phí nhiều đến thế.

Rồi bao năm qua mà vấn-đề đặt đường giao-thông vẫn chưa giải quyết xong. Mãi đến lúc cuộc chiến-tranh hiện-tại xuất-hiện, bao nhiêu sự khó-khăn trước đều tiêu-tán mà dần dần con đường được đắp xong và có thể dùng làm đường ô-tô quả lại được.

Dài 2000 cây số, theo bản dự-án đem ra bàn-luận, thì Louis Johson, nguyên thứ-trưởng bộ Chiến-tranh, ước các khoản phí tới 78 triệu mỹ-kim và con đường này hằng năm chỉ dùng được trong 4 tháng hè thôi. Nhưng trái lại, viên kỹ sư Mac Donald de Fairbanks tới nơi nghiên-cứu và quan-sát, lại nói quyết là đặt con đường ấy chỉ hết 12 triệu mỹ-kim mà có thể giao-thông được suốt năm, vì miền lân-cận ít tuyết hơn là ở Nữu-ước. Những nhời ước đoán của viện kỹ-sư rất đúng, vì Chính-phủ Hoa-thịnh-đốn đã công-nhận đường giao-thông được suốt năm.

Từ Janvier 1941, Hoa-kỳ đã lo chiến-tranh tới miền Alaska, nên Tổng-thống Roosevelt phải ban-hành sắc-lệnh tổ-chức ngạch tuần-cảnh trong xứ để phòng-thủ các thành-phố, các xưởng kỹ-nghệ, các nhà máy điện. Ngạch tuần-cảnh đã có một năm nay, gồm có những người tình-nguyện trong nhóm thợ làm tại các mỏ vàng. Khí-giới đều do nhà binh phát cho dùng, nhưng họ không phải thuộc quyền quan binh.

Lúc mới bắt đầu chiến-tranh tại Âu-châu, Alaska có 400 lính và vài chiếc tàu phòng-vệ miền duyên-hải. Nhưng trong chương-trình phòng-thủ của Hoa-kỳ, thì năm 1942, Hoa-kỳ dự chi 75 triệu mỹ-kim vào việc phòng-thủ Alaska.

Số tiền 75 triệu mỹ-kim ấy gấp mười lần số tiền mua đất Alaska năm 1867 do Thứ-trưởng Seward đại-diện Chính-phủ Hoa-kỳ đứng trả. Vì vậy, dân-chúng tặng sự mua đất ấy là sự « điên-rồ Seward », có ngờ đâu sự điên-rồ ấy lấy lại ngay được đủ vốn, vì lãi trong sự

mậu-dịch da thú, trong việc chài lưới và khai mỏ vàng cũng đã thu tới 2 triệu mỹ-kim rồi !

Chương trình phòng-thủ như sau này :

1·) Tại quân cảng Richardon, một đạo quân Hoa-kỳ phòng vệ. Hiện đương xây các cơ quan phòng thủ : 5000 thợ và 4000 lính làm không dừng tay. Chi hết 24 triệu mỹ kim.

2·) Trong vịnh Đàn-bà cạnh cù lao Kodiak, sẽ lập căn cứ hải-quân, nhất là cho các tàu ngầm. Ba đội phi-cơ phóng pháo luôn luôn phòng thủ.

3·) Tại Dutch Harbour, sẽ đặt xưởng trục các tàu ngầm. Dự chi 13 triệu mỹ kim.

4·) Một can-cứ hải-quân và không quân sẽ đặt trên đảo Japonski gần Sitka. Chi 10 triệu mỹ kim.

5·) Tại Laddfield gần Fairbanks, một trường bay và một trường đào luyện phi-công sẽ mở rộng.

Theo miền duyên hải và tại các nơi xung yếu, đều có đặt các can cứ hải-quân, không-quân, và lục quân.

Xứ Gia-nã-đại cũng dự đặt trường bay theo miền duyên-hải và cách nhau 300 cây số, để tiện việc giao thông giữa Hoa-kỳ và Alaska.

Trong cuộc chiến tranh hiện thời, Alaska có một công dụng rất lớn. Vì Nga đã về phe đồng-minh, nên Alaska chỉ lo phòng thủ đối với Nhật-bản. Mỹ có thể dùng Alaska làm nơi căn cứ để tấn công sang Nhật. Nhưng đối với Nhật, Alaska lại là can cứ cho Nhật đánh Hoa-kỳ và Gia-nã-đại.

Ngày nay, Nhật đã chiếm được ít cù lao Aléontiennes, thì một ngày không xa, ngọn lửa chiến tranh có thể lan đến Alaska, vì Nhật không khi nào chịu ngừng tay mà không tiến trong cuộc chiến tranh Thái-bình-dương. NHẬT NHAM

LƯỢC TRÍCH MỘT VÀI LỜI BÌNH PHẨM QUYỂN

Thi-Nhân Việt-Nam

(1932 - 1941)

của HOÀI-THANH và HOÀI-CHÂN

Trong số hơn 40 nhà thơ, trên phần nửa đều là người đường trong (Trung-kỳ). Ô lạ ! cai xứ gì cũng thua sut người ta — kể cả việc thi xe đạp — ai ngờ lại đẻ ra lắm thi-nhân thế vậy ! (TÂY-CHÍ, Tin mới).

Trong đoàn thể bọn làm thơ Việt nam, tôi chắc ai cũng vui mừng mà thấy được sum vầy trong một quán thơ và nghe những lời giới thiệu sáng suốt của đôi Hoài trước khi cùng nhau ngâm vịnh. Lời chân thành và thân mật của hai ông có một giọng hồn hậu khiến lòng người hớn hở và những khuynh hướng khác nhau trong lòng thơ cũng nhìn nhau đôi mắt tươi cười

Chắc hẳn tập « THI NHÂN VIỆT NAM » cũng gây nên nhiều sự hiềm nghi trong nhiều người ; nhưng tôi cũng chắc rằng hai ông sẽ coi những lời không công minh là những hơi gió thoảng (THẾ LỮ).

« THI NHÂN VIỆT NAM » là quyển sách có giá trị nhất và viết công phu nhất trong năm vừa qua (LÊ TRÀNG KIỀU).

Hai tiên sinh đã có nhã ý đối với hết thảy các thi sĩ và có nhiệt thành đối với nền thi ca nước nhà. Một điều đó đã đủ cho người đọc quyển « THI NHÂN VIỆT NAM » đẹp lòng ích kỷ, đẹp tính ghen tị mà nghiêng miệng kinh phục (ĐỒNG HỒ).

Đầu tháng Janvier sẽ có bán :

THI-NHÂN VIỆT-NAM

in lần thứ hai

Xin hỏi prospectus ở : **M. Nguyễn đức Phiên,** *Boîte postale 34 Huế*

Lịch-trình tiến hóa sách báo Quốc ngữ qua cuộc triển lãm sách báo mở tại Saigon ngày 11-7-42 tại nhà sách Nguyễn khánh-Đàm.

Có 20 tấm ảnh và trình ngoại 100 nhà văn cùng nhà báo xưa và nay.

Xin cảm ơn và giới thiệu cùng bạn đọc.

Một việc mà người Việt-nam nào cũng nên làm là : Giúp hội Hợp-Thiện Bắc-Kỳ và hội Truyền-bá Quốc-ngữ

Hai quyển sách cần cho ai định học chữ nho hay đã biết chữ nho mà muốn biết thêm :

Chữ nho học lấy
Cử nhân **Dương Bá-Trạc** *soạn*
Giá 1$ — Cước 0$12

Mẹo chữ hán
Bùi Trinh-Khiêm *soạn*
Giá 0$35 — Cước 0$06

Đề cho : hiệu sách Đông-Tây, 195 hàng Bông Hanoi

Một kiến giải về :

VẦN THƠ TIẾNG TA

ĐỖ-THỨC

Lời tòa soạn. – *Cụ Đỗ Thức là một bực túc nho đã từng viết giúp nhiều báo ở Bắc-Kỳ như* **Annam nouveau** *và* **Tập kỷ-yếu** *Hội Tri Tri.*

Cụ là một hội viên đắc lực của ban văn-học hội Khai-trí và đang dự vào việc biên tập bộ **Pháp Việt tự điển.**

Vì yêu tôn chỉ về sử học và văn học của Tri Tân từ nay cụ vui lòng cộng tác về bài vở với bản chí.

Tri Tân xin đăng dần để các bạn thưởng thức giá trị ngòi bút khảo cứu của cụ.

Một quyển vần thơ tiếng nôm ta, nên làm ra thế nào ? Bài này sẽ thử đáp câu ấy tôi đã tự hỏi.

Hai tiếng một vần, hay là đồng vận, nghĩa là cùng thanh âm, hưởng ứng với nhau dịu-dàng, thân mật như thể cùng loài vậy.

Thơ nôm có vần, căn do tự đâu đến, cứ các nhà khảo cứu thì là tự chỗ ca-dao, và những câu ví-von đã lưu thông trong dân-gian, lắm câu có ý-nhị tối cao, không rõ đã nảy-nở từ nơi nào, đời nào mà lan khắp gần xa, như những câu :

Trăm năm bia đá thì mòn,
Nghìn năm bia miệng hãy còn trơ trơ.
Ta về ta tắm ao ta,
Dù trong dù đục, ao nhà đã quen,

Thơ nôm cũng như thơ chữ nho, hay là tiếng Pháp, có vần để mà đọc thuận miệng, nghe êm tai, in vào trí nhớ cho dễ-dàng. Tác phẩm nào mà hay, đã đành không phải chỉ tại gieo vần khéo mà thôi ; nhưng nếu vụng, hoặc sai, hoặc túng thì ắt kém phần hòa nhã. Các truyện nôm xưa còn để lại đến nay, truyện nào trải bao đời mà vẫn được công chúng hoan-nghênh truyền tụng, đều là những truyện ít sai luật âm vận, như « Kiều » với « Cung-oán ngâm khúc », vì tác giả đã có công chải-chuốt thiết tha, như tay thợ giũa ngọc tài.

Khảo-cứu về vần thơ tiếng ta để tìm giá-trị thanh âm của những tiếng thường dùng cho được biết tính chất đồng vận, mong giúp đỡ nhà thơ ta một đôi chút. Làm sách vần nôm, nếu mà tưởng rằng tất phải theo cách thức sách vần chữ hán, thì công-trình xem ra rất phiền-phức mà không thiết-dụng ; dẫu rằng chỉ lọc những tiếng hàng ngày thường nói, mà biên chép gon -góp cũng nhiều lắm. Nhưng gia có một phương-pháp nào dẫn-dị, mà thử làm sách vần ta, thiết nghĩ không có nhẽ gì ngăn trở.

Phương-pháp ấy, nay thử tìm. Phần nhiều những tiếng ta, có thể chia ra hai phần tử : nguyên-âm và phụ-âm ; phụ-âm đứng trước và nguyên-âm tiếp sau, để lập thành tiếng có vần đơn, hay là vần ghép. Vần đơn nguyên-âm là *a*, thì những phụ-âm nào có tiếng *a* ấy theo sau cùng một dấu giọng bằng hay trắc là thuộc vào một vần. Còn những vần ghép nguyên-âm như *ai, ay, ang, uông*, cũng phải theo luật ấy. Ví dụ : tiếng *phong* với tiếng *chong* cùng vần, bởi hai tiếng lập thành đều có vần ghép là *ong*.

Xem những truyện nôm xưa thì ta thấy những tiếng coi như liền một vần chính, hoặc vần thông. Trong sách *việt-nam văn-phạm* mới xuất-bản của các ông Trần trọng Kim, Phạm duy Khiêm và Bùi Kỷ tiên-sinh, có câu giải nghĩa (trang 176) vần chính là những tiếng cùng một âm, đọc theo một thanh, một giọng, như *ba, ca*. Vần thông là những tiếng cùng thanh bằng, hay thanh trắc mà khác dấu và khác âm, nhưng đọc hơi tương tự cũng có thể nhập vào một vần, như *co, to* (vần chính) thông với *cô, tô* (vần thông).

Tùy phần nguyên-âm vần đơn hay ghép, thì những tiếng ta thường nói cùng vần có thể hãy xếp-đặt ra từng loại, đại khái như sau :

I. *VẦN BẰNG*

—i, ia, uy, uya, uê, e, ê, oe, y, ya,
—in, iên, uyên, oen, en, ên, yên.
—im, iêm, em, êm, yêm.
—inh, uênh, uynh, oanh, ênh, anh, ynh

(*Xem tiếp trang 18*)

NAM DÀN BÁT CHÂU TỤC THẢO

(LỐI THƠ TÂN THÀNH-LẬP)

SỐ 11 *Tác-giả: TÙNG-VÂN đạo-nhân*

XX
GIANG THƯỢNG NGÂM

Lý-Bạch

Nguyên Đường âm

Mộc-lan chi tiết xa-đường chu;
Ngọc tiêu kim-quản tọa lưỡng đầu.
Mỹ tửu tôn trung chi thiên hộc;
Tái kỹ tùy ba nhiệm khứ lưu.
Khuất-Bình tử-phú huyền nhật nguyệt;
Sở-vương đài-tạ không sơn-khưu.
Công-danh phú-quí nhược tràng tại,
Hán-thủy diệc ưng tây bắc lưu.

Dịch Nam-đàn

Chiếc thuyền lan, xênh-xang chèo quế;
Vần ngọc-tiêu, kim-quản véo-von.
Vơi đầy nghiêng hồ rượu ngon;
Nước đưa, sóng dợn, người giòn, hát hay.
Từ-phú gương Bình thay nhật nguyệt;
Lâu-đài dấu Sở những sơn-khưu.
Cái phú-quí nếu dài lâu,
Thì nước sông Hán tây lưu ngược giòng.

Chú-thích

Thuyền lan chèo quế. — Hát nói cổ: « Thuyền lan nhè-nhẹ ». Tô văn: « Quế trạo hề lan tương ».

Sóng dợn. — Dợn cũng như dờn, nói làn sóng dập-dờn, chớ đọc lầm là sóng rộn.

Từ-phú gương Bình. — Khuất Bình, tức Khuất Nguyên, vốn người hiền nước Sở, làm chức Tam lư đại phu, bị người gièm pha, vua Sở phóng trục ra miền Tam tương Ngũ lĩnh (tức miền Hồ-nam ngày nay). Bình khi ấy u sầu phẫn uất, làm ra sách *Ly tao*, để tỏ lòng thương mình, yêu nước; người đời sau gọi là *Sở từ*, cho sách ấy là bút khởi thủy ra nghề từ-phú mà Trung quốc van học sử đã hiện ra một vẻ tân kỷ nguyên. Học giả nước ta ngày trước có nhiều người đem sách *Đoạn trường tân thanh* của cụ Nguyễn Du (tức truyện Kiều) so vào với sách *Ly tao* của Khuất Bình, thì cái giá trị tranh sáng với mặt trời mặt trăng có thể cũng ngang nhau vậy.

Lâu đài dấu Sở. — Sở Linh-vương là vị vua kiêu hoang xa xỉ, kiến trúc ra một tòa lâu đài đồ sộ, gọi là Chương hoa đài, chẳng bao lâu nước Sở suy nhược, mà tòa lâu đài ấy đến nay chỉ còn là một đám sơn khưu.

Sơn khưu. — Chỗ gò núi hoang vu.

Hán thủy. — Sông Hán vốn chảy về phía đông nam, nay nói trái lại chảy về phía tây bắc, là nói cái lẽ tất vô. Hán thủy là con sông trứ danh trong cõi Thiểm tây và Hồ bắc, Hán khẩu tức là chỗ sông Giang sông Hán hợp lưu.

Thơ này là khuyên người ta đối với cuộc đời nên coi tỉnh giấc mộng phú quí mà coi trọng đường văn học.

Bài này nguyên thơ Đường, thuộc thể cổ thi, có 12 câu, nay lược đi bốn câu, để thích hợp về thể Nam đàn; đó là lệ trích dịch, nghĩa là trích lấy những câu thích hợp về bút ý, bút pháp mà dịch. Lệ ấy chuyên đối với tràng thiên cổ thi; tập thi thảo này giản hoặc có dùng lệ ấy.

XXI
NÓI CHUYỆN CŨ

Vi-Trang

Nguyên Đường âm

Ngũ lăng tằng ức tích niên du:
Ngọ dạ thanh ca nguyệt mãn lâu.
Ngàn chúc thụ tiền tràng tự chú;
Lộ đào hoa hạ bất tri thu.
Tây viên công tử danh Vô-Kỵ;
Nam quốc giai nhân hiệu Mạc-Sầu...
Kim nhật loạn ly câu thị mộng,
Tịch dương duy kiến thủy đông lưu.

Dịch Nam-đàn

Sực nhớ thủa Ngũ lang niên thiếu:
Trên lầu trăng, nghe khúc điệu tiêu tao.
Đài ngàn chúc, cảnh lộ đào,
Đêm nào là tối, mùa nào là thu.

Người Nam quốc, giá Mạc Sầu, yểu điệu ;
Khách Tây viên, danh Vô-Kỵ, hào-hùng.
Ngày nay tỉnh dậy mà trông,
Ngọn nước xuôi giòng, theo bóng tịch dương.

Chú-thích

Ngũ-lăng. — Kinh Tràng-an, có ngũ-lăng là Bình-lang, Mậu-lang v.v... Tự đời Hán đã trứ danh là xóm hào kiệt, đất phồn-hoa. Tỳ-bà diễn-âm : « Ngũ-lăng chàng trẻ tranh đua, xiết bao the thắm chuốc mua ngón đàn ».

Ngân-chúc. — Đuốc sáp, trắng như sắc bạc.

Lộ đào. — Cũng như tiên đào.

Người Nam-quốc giá Mạc-Sầu, yểu điệu. — Mạc-Sầu là một kẻ giai nhân trứ danh ở đất Hà-trung thủa xưa. Nói kẻ ca-vũ ở Nam-quốc đều yểu-điệu như ả Mạc-Sầu.

Khách Tây viên, danh Vô-Kị hào hùng. — Tín-lăng quân Vô-Kỵ là một vị công tử hào-hiệp ở nước Ngụy đời Chiến-quốc. Nói bạn đồng du ở Tây-viên đều hào hoa như công-tử Vô-Kỵ.

Thơ này là nói cuộc phồn hoa chẳng khác gì giấc mộng ảo, người ta nên sớm biết hồi-đầu mãnh tỉnh.

(sẽ tiếp)

Hà-đông NGUYỄN-ĐÔN-PHỤC

Cải chính

Về bài « Tháng 7 năm quý mão 1783. Chúa Nguyễn-Ánh đã chạy thấu Côn-lôn. . . ? »

Tri-tân số 73, trương 14 : trong giòng 22, cột thứ 2, sau 2 chữ « trong lúc » xin thêm 2 chữ « bấy giờ ».

Tri-tân số 74. Trương 18, giòng 12 cột nhất : xin bỏ hai chữ Tây-sơn ».

Trương 19, giòng 2, cột thứ nhì nguyên in « tưởng tưởng », xin đọc : « tưởng tượng ».

Lời chú thích thứ 2 : « Dà bà » xin đọc là « Đà bà ».

Lời chú thích thứ 7 : nguyên in « trùng vy, bạc vu, cồ cốt, dư... « xin đọc là... « trùng vy, bạc vu cồ-cốt dứ... » nguyên in « thề thao vu như thực » xin đọc. . . . « nhi thực ».

Trương 20, lời chú-thích thứ 9 : nguyên in : « en recevant le per de choses..» xin đọc «.. le peu de choses ...» ; nguyên in : « qu'on me remettent...» xin đọc «..qu'en me remettant. . .»

Lời chú thích thứ 12 : nguyên in «...Hoàng-tử-Cảnh năm 1780...» xin đọc Hoàng-tử sanh nam 1780...»

Lời chú thích thứ 13 : nguyên in: «...il avait été commencé à Siam..» xin đọc «..il a été emmené à Siam...»

Vần thơ tiếng ta

(Tiếp theo trang 16)

—iu, iều, uyu, eo, êu, ao, oeo, oao, yêu.
—iêng, eng, êng, yêng.
—u, o, ô, ua.
—uân, ân, ăn, oăn.
—un, uôn, on, ôn.
—um, om, òm, uôm,
—ung, uông, ong, oong, ông, ôông.
—uâng, ưng, ăng, âng, oăng.
—ư, ơ, ưa. ượ.
—ương, uông, ang. oang,
—ươu, ưu.
—uây, oay, ay, ây.
—ui, ưu, oi, ôi, ơi, ươi, uôi, ai, oai.
—oan, an.
—oam, oăm, am, ăm, âm, ơm, ươm.
—ơn, ươn.
—au, âu.

Nên ghi nhớ : Nguyên-âm *a* theo sau những tếng i, u, ư, không đổi vần những tiếng ấy :

i + *a* : *ia* cùng vần với *i*
u + *a* : *ua* — *u*
ư + *a* : *ưa* — *ư*

II. — *VẦN TRẮC*

—it, iêt, uyêt, uyt, et, êt, oet, yêt.
—ip, iêp, ich, iêc, ec, êch, ep, êp, uêch, uych, ach, oach.
—uc, uôc, oc, ôc, ut, uot, ot, ôt.
—uât, ươt, ưt, oac, oăc, oat, ơt, ac, ăc, âc, at, ăt, â.
—ưc, ươi, ac, ăc, âc.
—ươp, ơp, ap, ăp, âp, oap.
—up, op, ôp.

Ấy là nguyên-tắc đã bầy, nay dẫn ít nhiều câu thí dụ, nhặt trong các truyện nôm xưa.

(còn nữa)

ĐỖ-THÚC

Đón coi số tới

1) « Vở kịch bà Trưng

Ứng-hòe NGUYỄN VĂN TỐ viết.

2) Muốn khảo tư-tưởng học-thuyết của Mặc Địch, phải căn-cứ vào đâu ?

HOA-BẰNG

Tài liệu đính chính

(tiếp theo trang 7)

Trên yên *sẵn có con dao.*

Các bản chép là « Trên *án* sẵn có *thanh đao* » ; ông Vĩnh chép là : « Trên án sẵn có con dao ».

Giấu cầm nàng đã gói *vào* chéo *khăn.*

Quan-văn-đường chép là « *buộc* vào *giọt* khăn ».

Đêm sầu *một khắc một chầy.*

Quan-văn-đường và quyển chú-thích chép là « Đêm *thu* ». Cụ Kiều-oánh-Mậu nói « chữ *đêm* có bản viết là *điềm*, nghĩa là trong canh, nghe cũng thông ».

Chàng ngờ *gã Mã-giám-sinh.*

Quan-văn-đường và quyển chú-thích chép là : « Chẳng *ta* gã Mã-giám-sinh .»

Quen mui *lại kiếm ăn miền nguyệt-hoa.*

Ông Vĩnh đọc là « Quen *mồi* ». Chữ *mui* không có chữ nôm, chỉ có chữ bồng nghĩa là mui, nên có bản viết chữ phương bằng chữ bồng, có bản viết chấm thủy bằng chữ bồng, thì không tài nào đọc ra tiếng *mui* được. Cụ Kiều-oánh-Mậu viết khẩu bằng chữ môi, thì đọc là *mui*, thuận hơn.

Cũng đà *vừa vốn, còn sau thì lời.*

Quan-văn-đường chép là :« Cũng *là* vừa vốn ».

Vốn nhà cũng tiếc, của đời *cũng tham.*

Quan-văn-đường và quyển chú-thích chép là : « của *trời* cũng tham ».

Thì vin cành quit *cho cam sự đời.*

Ông Vĩnh đọc là « Thì vin cành *tít* ». Cụ Kiều-oánh-Mậu dẫn câu thơ vịnh quất của Lương-giản-Van, có chữ « phan chi », nghĩa là vin cành. Chữ *quit* không có chữ nôm, thường viết chữ quất mà đọc là quit.

Trong *trần may mặt lang chơi.*

Các bản chép là « *Dưới* trần ».

Vả *đay đường-xa xa-xôi.*

Các bản viết là « *Đến* đây ».

Con ong đã mở đường đi tới về.

Ông Vĩnh chép là « đã *to* ».

Tiếc *gì đến ngọc,* thương *gì đến hương.*

Quan-văn-đường và quyển chú-thích chép là : « *Thương* gì đến ngọc, *tiếc* gì đến hương ». Cụ Kiều-oánh-Mậu chua rằng : « Trong bản Thanh-tâm chữ Hán có chữ « tích ngọc hiền hương », nghĩa là tiếc ngọc thương hương ; vậy theo kinh-bản đúng hơn.

Giọt riêng *tâm-tã tuôn mưa.*

Quan-văn-đường chép là « *Nơi* riêng » ; quyển chú-thích chép là « *Một mình* ».

Phần cam *nỗi khách, phần* dơ *nỗi mình.*

Quyển chú-thích chép là : « Phần *e* nỗi khách, phần *lo* nỗi mình ».

Đời người thôi *thế là xong một đời !*

Ông Vĩnh chép là « *đến* thế ».

Một tình *thì chớ, hai tình thì sao ?*

Quan-văn-đường và quyển chú-thích chép là : « Một *mình* ». Cụ Kiều-oánh-Mậu nói câu ấy nghĩa là Mã-giám-sinh nhất tâm với mình thì thôi, hoặc sinh nhị tâm thì thế nào cũng lụy đến bố mẹ.

(Còn nữa)

Ứng-hòe NGUYỄN-VĂN-TỐ

Thanh niên với thơ văn hùng tráng

(tiếp theo trang 4)

Thanh niên ngày nay, nếu muốn cải-tạo từ đầu-óc đến tâm-thuật, tôi tưởng, phải đổi ngay món ăn tinh-thần trước đã.

Phàm những văn thơ có tính cách chán-nản, khóc-than, tê-liệt, ủy-mỹ, ta phải coi như những liều thuốc độc giết óc trong trẻo, hồn-nhiên !

Để sung vào chỗ nhu-cầu ấy, ta phải lựa lấy những tác phẩm vui-vẻ, trong-sạch và hùng-tráng.

Công việc lựa chọn thơ văn cho bạn trẻ đọc này, chúng tôi gửi một phần trông cậy vào các gia-trưởng, và các ông giáo, bà giáo.

HOA-BẰNG

Tissus locaux

ETABLISSEMENTS CAO-DOT

Chuyên bán buôn và nhận đặt khoán các thứ hàng nội-hóa như :

Douppion, Shan-tung, Faux, shangtung, Lin, Faux tropical-Tussor, Tussor demi-soie, Toile de soie, de rayonne, Toile tailleur, bao tải đựng ngô, gạo, vân vân.

Nơi giao dịch :

2, Rue Strasbourg

HAIPHONG

Muốn lấy mẫu, xin gửi 0 $ 50 bằng timbre để làm cước phí.

CÙNG CÁC NHÀ ĐẠI LÝ

Từ nay đến 20 Décembre 1942, xin các ngài làm relevé các số báo Tri Tân đã gửi các ngài bán. Tiền bán được bao nhiêu, xin gửi trả bằng mandat. Báo không bán được, các ngài gửi giả về cả cho. Đa tạ lắm.

Tự trị-sự

DỊCH THO' TÂY

Chanson d'Automne

Les sanglots longs
Des violons
De l'automne
Blessent mon cœur
D'une langueur
Monotone.

***

Tout suffocant
Et blême quand
Sonne l'heure,
Je me souviens
Des jours anciens
Et je pleure.

***

Et je m'en vais
Au vent mauvais
Qui m'emporte
De-ci, de-là
Pareil à la
Feuille morte.

P. Verlaine

Thu Khúc

Đàn thu thổn thức dài ;
Hiu hắt giọng ai hoài.
Lòng ta đau tê-tái.
Lửng lơ sầu vơi dầy.

***

Bỗng nghe đồng hồ điểm.
Mặt mày ngây ngất say,
Ta nhớ-nhung ngày cũ.
Mà ta lệ láng-lai,

***

Thôi ta chân cứ bước,
Mặc gió lốc cuốn bay.
Nay đây rồi mai đó.
Như chiếc lá lìa cây.

CÁCH-CHI phiên dịch

Ca rừng

Tiếng-đâu như rót bên đồi,
Rừng thông im bặt nghe người tiên ca,
Gió chiều chim lang suối hoa,
Sương hòm đứng tựng, bong ta tả sơ.

Trên ngan

Bãi sông chim lượn từng đôi,
Trông giời, khách đứng lẻ-loi trên ngàn.
Bên chiều. dò vàng chuyen sang,
Cánh rừng xơ-xác, con đường quạnh-hiu.

Đêm giăng

Dặm rừng, le-lói ánh giang thanh,
Những miếng pha-lê vơ lọt cành.
Đầy cửa buồng ta, giang đẹp quá,
Năm canh ta mộng suốt năm canh.

Bà MỘNG SƠN

Phương pháp trị lao thủa xưa

tiếp theo trang 6

Koch chỉ mới vén dạng một mí mản mà phía sau còn đầy những sự tối tạm mờ ám. Kiếm đặng vi trùng, ông Koch tưởng kiếm đặng luôn thuốc trị. Ông lấy độc tố của vi trùng lao chế ra một thứ thuốc trị lao; nhưng, thảm thay! thuốc ấy làm thiệt mạng người. Ấy là một điều làm cho y-học-giới thấy rõ bịnh lao khác hẳn với các bịnh khác của loài người, từ cách nó phát ra cho tới cách nó phá-hoại và cách nó cự thuốc. Càng biết rõ nó, càng dễ tìm phương trị nó.

Gần cuối thế-kỷ 19, y-học-giới mới tìm ra đặng vài thứ thuốc lao có hiệu-nghiệm thật. Các phương-pháp trị bịnh đều đã nghiên-cứu chu-đáo. Người ta đã xét kỹ những điều có quan-hệ đến bịnh-nhơn như phong-thổ, món ăn, cách nghỉ. Người ta mới biết dùng cách BÔM PHỔI và THUỐC VÀNG (sels d'or) mà cứu mạng bịnh nhơn.

Tới đầu thế-kỷ này, phần đông tượng-y chỉ trị bịnh lao theo ý riêng của mình. Vì họ chưa được ngồi trên một nền khoa học vững vàng, cách điều-trị của họ chưa làm cho họ được mãn nguyện.

Trong khoảng gần đây, nhờ sanh lý học để biết rõ cách vận động của phổi và cơ thể, nhờ nội khoa bệnh lý học để tìm thấy cách phản ứng của phổi bị lao, nhờ vi trùng học để giải quyết vấn đề vi trùng và sự hành động của nó, nhờ hóa học để nghiên cứu những thứ thuốc trị được bịnh mà không hại cơ thể, nhờ giải phẫu học để biết phép mổ xẻ phổi một cách dễ dàng và đứng đắn hơn xưa, và nhờ có quang tuyến x (rayons x) Y học mới phát minh được nhiều phương pháp trị bịnh phổi tùy theo thời kỳ của nó.

Thuở nay, không một bịnh nào mà có nhiều thứ thuốc ra đời, không một bịnh nào mà các khoa chuyên môn của y học phải chung nhau tìm hiểu một cách lao tâm tiêu tứ và mất nhiều thì giờ như thế. Tuy ngày nay ta chưa có thuốc trị bịnh lao dễ dàng và mau chóng như trị bịnh kiết hay bịnh sốt rét, nhưng ta cũng đã được nhiều lợi khí để chiến-thắng nó.

Bác sĩ LÊ VAN NGÔN

Tài-liệu rút trong cuốn « Bịnh ho lao » đang in

Bản sách dẫn về Đại-Nam Liệt truyện

Số 12

Thọ-Xuân LÊ-VĂN-PHÚC

TÊN, HỌ	TỰ, HIỆU	QUÊ QUÁN	Tập (1)	Quyển	Trang	NÓC HỞ
HOÀNG-TỬ (Chư Tiền vương)			T	2	1b	
» (Hưng-tổ)	nam người		S	2	1b	
» (Thế-tổ)	cả thảy 13 người, trừ Minh-mạng còn:	10 người 2 người	S N	2 5	5a 1b	
» (Thánh-tổ)	cả thảy 78 người, trừ Thiệu-trị, đăng	72 người ở	N	5	5b	
		và	N	6-7	—	thiếu 5 người
» (Hiến-tổ)	(2)		N	8	—	thiếu 1 người
HOÀNG 晃 Đỗ-văn	hựu danh Đản	Quảng-trị, Hải-lăng	T	5	43a	
HOÀNG » Tôn-thất		Huế	S	4	14a	
HOÀNG » Trương-văn		Gia-định	S	15	12a	lưu ngụ Định-tường
HOẠT 活 Nguyễn-đức		Quảng trị, Hải-lăng	N	26	2b	[Mỹ th
HOÀNG 宏 Lam	sơ danh Chuẩn	Quảng-trị, Do-linh	N	39	13a	
HOẰNG 弘 Nguyễn-đình		không rõ	S	18	10a	
HOẰNG » Nguyễn-trinh		Nghệ-an, Nghi-lộc	N	42	9b	
HOÀNG » Nguyễn-văn	nhứt danh Giáo	Bình-định, Tuy-phước	S	13	4a	
HỌC 學 Trần-văn		Gia-định, Bình-dương	S	15	16b	nay là vùng Saigon
HOE 槐 Huỳnh-văn	tự Vương-Thực	Bắc-ninh, Đông-ngạn	N	39	30b	
HỒ 琥 Phạm-đình	tự Bỉnh-Trực	Hải-dương, Đường-an	N	25	7a	
HỒ 虎 Vũ		Thừa-thiên, Hương-trà	N	41	9b	
HỘI 會 Phạm	tự Ấu-Thông	Bắc-thành, Thọ xương	N	42	2a	
HỘI » Tôn-thất		Huế	S	4	5b	
HỘI » Trương-gia	tự Trọng-Hanh	Gia định, Bình dương	N	37	15b	nay là vùng Saigon
HUÂN 勳 Nguyễn-đẳng	tự Hi-Khiêm	Sơn tây, Thạch thất	N	29	15b	
HUÂN » Nguyễn-hữu	(Thủ-khoa Huân)	Định tường, Kiến hưng	N	41	18b	nay là vùng Bến tran
HUỀ 擂 Tống-viết		không rõ	S	17	4b	tử trận tại Ba rài
HUỀ » Trần-đại		Thừa thiên, Phú vang	S	19	6a	[Mỹ th
HUỆ 惠 Hồ-văn		không rõ	S	8	31b	tử trận tại Ba thắc
HUỆ » Hồ-văn		Nghệ an, Đông thành	S	18	8a	[Soctrang
HUỆ » Lê		Minh chánh	N	40	9a	Quảng bình
HUỆ » Nguyễn văn	Quang-trung đế	Bình định, Phù ly	S	30	17b	
HUỆ » Tôn thất		Huế	T	6	33b	
HUY 輝 Bùi tăng	tự Ngọc-Uẩn	Ninh thuận đạo	N	40	11b	nay là Phan rang
HUY » Đặng đức		Bình định, Bồng sơn	S	10	9b	
HUY 揮 Lê-viết		Thanh hóa, Hoằng hóa	N	29	6b	
HUY 輝 Nguyễn		Vĩnh long	S	14	14b	trước ở Thừa thiên
HUY » Nguyễn		Thanh hóa, Vĩnh lộc	N	31	15b	
HUY » Nguyễn đăng		Thừa thiên, Hương trà	T	5	12b	
HUY » Nguyễn-đức		Bắc ninh, Văn giang	N	32	18a	
HUY 煇 Phạm	tự Bá-Chước	Quảng trị, Hải lang	N	36	26a	
HUY 徽 Phạm		Hà tịnh, Hương sơn	N	37	22b	
HUY 輝 Trần-liên	tự Bảo-Quang	Bắc ninh, Gia bình	N	29	8a	
HUY 暉 Tôn-thất		Huế	S	4	1b	

(1) T: Tiền biên, S: Sơ tập, N: Nhị tập. (2) Cả thảy 29, trừ Tự Đức, Hồng Bảo và Hiệp Hòa, đăng 25

TIỂU THUYẾT LỊCH SỬ

ĐÊM HỘI LONG-TRÌ

Số 3

NGUYỄN HUY TƯỞNG viết

XIN quận-chúa yên tâm. Tiền tương xin giúp một tay.

Nói xong, thản nhiên xông lại chỗ đánh nhau... Chỉ nháy mắt, chàng đã vít cổ Đặng Lân rút xuống, và quát to bảo bọn côn đồ :

— Lũ kia, muốn sống thì buông tay ra, không thì tao giết chết cậu chúng bay.

Đặng Lân kêu :

Trời ơi ! Đau quá. Xin ông tha cho không thì tôi chết mất. Thôi đừng đánh nhau nữa chúng bay.

Bọn côn đồ lùi cả lại. Võ quan bảo bọn Bảo Kim :

— Các ông hãy nghỉ tay, để tôi khu xử cho.

Bảo Kim bỗng kêu lên :

— Anh Nguyễn-Mại !

Nguyễn Mại, vì chính là người võ sĩ, nói :

— Kìa Bảo Kim ! Nhưng hãy xếp cho xong câu chuyện này đã.

Chàng kéo Đặng Lân đứng dậy :

— Mi dẫn bọn côn đồ bước ngay khỏi hội, nghe chưa ? Còn lần quần ở chốn này, thì đừng trách ta là ác nghiệt.

Bọn Đặng Lân cực chẳng đã, lủi thủi kéo nhau ra. Đặng Lân còn quay lại nhìn Nguyễn Mại một cách dữ dội và nham hiểm.

Một người tự xưng là Dương tuấn Nghiệp, chân Ấm sinh, đến xin đem vợ về. Người thiếu phụ là một trang nhan sắc, nhưng mình mẩy bị thương rất nặng, chân tay không cử động được. Nàng ứa nước mắt nhìn chồng, phều-phào hỏi :

— Em tưởng không được trông thấy mặt anh nữa. Suýt chút nữa thì em thành người thất tiết. Nhưng em xem trong mình cũng không sống được nữa đâu. Anh lấy cáng cho em về mau trông thấy hai con ; em thực mang tội với chồng với con nhiều lắm.

Nàng ôm bụng nhăn mặt hoa, thổ ra huyết, rồi mê man bất tỉnh nhân sự.

Người chồng cũng khóc, vực vợ lên chiếc cáng của Quỳnh Hoa cho mượn, rồi từ biệt mọi người. Quỳnh Hoa thở dài :

— Chỉ tại...

Nàng muốn nói : « Chỉ tại phụ vương sủng ái Đặng Tuyên Phi ». Nhưng trước mặt mọi người nàng không dám nói rõ nỗi lòng. Sức cảm vả người vốn yếu, nàng rầu rầu vào trong hàng nằm nghỉ.

Buổi dạ hội cũng vì câu chuyện « cậu Trời » mà mất vui. Người về đã vợi đi, trăng cũng nhạt, và cảnh hồ buồn tênh.

Bọn anh em Bảo Kim cũng ra về. Đỗ Tuấn Giao, mặt sứt, trán bươu, còn pha trò :

— Chỉ vì Kim mà tôi bị đánh. Chẳng phải đầu phải tai !

Bảo Kim như kẻ mất hồn. Lúc ở hội Quần Anh ra, chàng còn ngập ngừng chưa muốn bước. Cảm tình chan chứa, chàng thảo trên một giải lụa ba bài tứ tuyệt đem buộc vào cành liễu rồi mới rảo bước theo anh em.

Nguyễn Mại nói :

— Bảo Kim thực là nòi tình. Bốn năm chinh chiến, tôi thấy lòng dục nguội như băng. Hiện chỉ có một hoài bão là phụng thờ tổ quốc, đem lại nền thống nhất cho nhà Nam.

Bảo Kim đáp :

— Anh mới là chân nam tử. Bỏ văn theo võ, không ngờ anh đã trở nên một vị tướng tài. Trận đánh ở Phú Xuân, mưu mẹo đã cao, uy dũng lại thừa, chấn động cả miền Nam, làm rực rỡ cả Bắc hà. Hoàng quận-công cực lực tán dương anh và Chúa thượng gọi anh là hổ tướng...

Nguyễn Mại gạt đi :

— Bỏ chuyện ấy đấy, chưa phải lúc. Các chú cho tôi biết cái thằng lúc nãy là ai ? Tôi điên tiết lắm, và thấy các chú lúng ta lúng túng mà buồn. Bọn văn nhân thực là lũ vô ích ngâm vịnh để làm gì ? Qua cái bệnh ngâm vịnh, cái bả từ chương, nay tôi thấy khinh những thứ vô dụng ấy... Thằng ấy là ai mà nó hoành hành thế ? Mà sao xem ý thì dân sợ nó như cọp, cả Ngô Thị lang, cả Quỳnh Hoa quận chúa ?

Trần Thành nói :

— Nó là Đặng Lân, em Đặng Tuyên phi. Từ ngày đức Trịnh vương sủng ái Tuyên phi, việc triều chính mỗi ngày một nát.

Đặng Tuyên phi quả là một trang khuynh thành khuynh quốc. Tĩnh vương chỉ vì say đắm Tuyên phi mà làm toàn những điều thất chính ; bao nhiêu lời can dán đều vô hiệu cả. Việc gì cũng nghe Tuyên phi : Chúa là người hiếu hạnh thế, mà bênh Tuyên phi đến cưỡng cả lời khuyên của Thái phi !

Thậm chí chúa biết Đặng Lân là tên vô lại, mà cũng sắc phong là Quốc cữu, cho lập phủ đệ như một vị Thế tử. Tên Lân ăn tiêu xa xỉ hơn một ông hoàng. Nó muốn gì cũng được, ngang ngược thế nào ai cũng phải chịu. Ngày ngày chỉ cùng với bọn côn đồ đi hãm hiếp con gái đàn bà, cướp nhà lấy của như một lũ giặc. Người con gái hay đàn bà nào mà nó vừa ý thì nó đuổi cho kỳ được, phạm cả người nhà các quan đại thần. Quan Tham tụng Võ-Tá-Quyền mắng nó giữa đường, nó đánh chết ngay, chúa thét đem chém, nhưng Tuyên phi khóc lóc xin cho, chúa tha bổng. Từ đấy nó

càng ngỗ nghịch, tự xưng là « cậu Trời » không còn biết kiêng nể là gì nữa.

Nguyễn Mại lắc đầu nói :

— Nếu thế thì gọi là loạn, còn gì !

Bảo Kim nói :

— Những người bị nó làm nhục như bà Ấm sinh lúc nãy không biết bao nhiêu mà kể, nhiều người thất tiết tự tử cho tròn giá sạch, còn thì chỉ biết ôm giận cho qua đời, chứ biết kêu đâu ? Vì thế mỗi khi nó đi đàn người ta chạy tán loạn sợ hơn sợ thiên tai, nhà nào nhà ấy đóng cửa im ỉm. Vô phúc bị nó phá thì đành giương mắt ra mà nhìn. Có ông phủ Dương chính Doãn luận tội nó, nó đem bọn côn đồ đến giết cả nhà !

Nguyễn Mại giậm chân :

— Thế thì còn ra thể thống gì nữa ! Biết trước thì lúc nãy tôi đem giết nó đi cho dân thoát nạn. Nhưng sao nó lại nhũn với tôi thế ?

Lưu sĩ trực đáp

— Nó nham hiểm và hèn lắm. Thấy ai vào tay sừng sỏ thì nó lùi đi như con rắn để cắn trộm lúc nào : những khi ấy thì nó lại càng nguy hiểm.

Nguyễn Mại cười và nói :

— Các chú cứ nhút nhát thế thì còn làm gì được. Tôi quyết trừ hại cho nhân dân.

Cả bọn đồng thanh :

— Anh không nên vọng động. Tuyên phi là một người thâm độc, có người chỉ đánh Đặng Lân một roi mà bị giết ba họ.

Nguyễn Mại :

— Dẫu sao cũng không thể tha được thằng giặc hung dữ ấy. Nó mới tôi một sông, một chết...

Nói đến đây bỗng có tiếng ca hát gõ nhịp ở giữa hồ đưa lại.

Bảo Kim nói :

— Chúa ngự ra chơi.

Cả bọn cùng nhìn ra hồ, dưới bóng trăng, một đoàn thuyền rồng đang rẽ sóng bơi đi.

Tiếng tơ gảy, tiếng trúc thổi, tiếng người hát họa. Trong động tiếng sáo, tiếng đàn văng vẳng đưa lên, cảnh vui vẻ và mơ hồ bị « cậu Trời » phá tan, nay trở lại. Nhường như khi đấng chúa tể non sông ra, mọi người đều thấy yên tâm, và không còn sợ kẻ nào đến phá bậy đêm hội nữa.

Thuyền từ từ đi về phía hàng Quỳnh Hoa, mái chèo đỏ đe rơi tua tủa muôn hàng ngọc sáng. Bọn Bảo Kim và mọi người đổ xô lại để xem mặt chúa và Tuyên phi. Vì cả năm, mấy ai đã được biết mặt vị phó vương, thay quyền Thiên tử ban hành phép nước ?

Trước bến, Quỳnh Hoa đứng trực.

Thuyền cạp bến, chúa đưng đàng mũi, hỏi to :

— Con cha có chấm được bài văn nào xuất sắc không ?

Quỳnh Hoa đáp :

— Con còn đợi trình phụ vương xem.

Người ta đã lấy giây gắm buộc thuyền vào gốc dương liễu, Tuyên vương bước lên. Theo sau là một trang tuyệt thế giai nhân, trạc 25, 26 tuổi. Người ta đoán ngay là Đặng Tuyên phi. Bên cạnh phi thì bao nhiêu cung nữ, kể cả Quỳnh Hoa, thì bị lu mờ, vì phi trông rực rỡ, toàn thắm, toàn tươi. Đẹp mà không nhạt nhẽo, hơi đầy mà không thô, nồng nàn mà không lơi lả, phi là một người đàn bà có một sắc quyến rũ yêu quái. Người phi là tiếng gọi của dục tình, mắt là đôi gương mê hoặc, và môi là một nụ hoa khêu gợi ái ân.

Chúa và Đặng phi bước lên. Quỳnh Hoa đon vào hàng Quần Anh, chúa nhìn bốn phía một lát, thấy hội kem bề náo nhiệt, phán rằng :

— Uả, sao hội Trung thu năm nay tẻ thế ?

(Còn nữa)

NGUYỄN HUY-TƯỞNG

Cùng chung trong Đại-Đông-Á, người Annam biết thời vụ đều đọc :

" TÂN Á "

« TÂN A » số 4 sẽ hé giở cho các bạn trông thấy những gì mà trong thâm tâm các bạn hằng mong mỏi bấy lâu

Thơ và mandat xin đề :

Maison ASAU

72, Rue Chaigneau Saigon

Téléphone N° 21.756

Adr. télég. AULEVANT - Saigon

Số Xuân TRI-TÂN 1943 (QUÍ MÙI)

Sẽ là một tác-phẩm rất công-phu, vì có những cây bút đứng-đắn trong học-giới, văn-giới suốt ba kỳ, như của Nguyễn Văn Tố (Hanoi), Đào Duy Anh (Huế), Lê Văn Ngôn, Kiều Thanh Quế (Cần-thơ), Khuông-Việt (Saigon) v.v... cộng-tác về bài vở ;

Số Xuân TRI-TÂN 1943

Sẽ là một sản-phẩm tỏ rõ những sự cố-gắng của Tri-Tân ;

Số Xuân TRI-TÂN 1943

Sẽ là một công-trình khả quan về nghệ-thuật vì có những bàn tay mỹ-thuật xếp-đặt trình bày.